



Emma

50 Kurzgeschichten
zum Deutsch lernen



Emma

50 mẫu truyện ngắn
tiếng Đức



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran

Xin chào, tên tôi là Sophie Hang. Tôi muốn chia sẻ với các bạn về bí quyết học nhanh một ngôn ngữ!



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



- Nếu bạn muốn học tiếng Đức, bạn **phải luyện nói** càng nhiều càng tốt. Bạn không thể nói nếu chỉ tập trung học ngữ pháp, Bạn cần phải luyện nói bằng cảm giác và cảm thấy thoải mái khi nói.
- **Mỗi ngày luyện một ít!** Bạn nên giữ thói quen học tiếng Đức ít nhất 15 phút mỗi ngày. Bạn phải làm nó trở thành một hoạt động hằng ngày không thể thiếu. Ví dụ: Nghe một câu chuyện từ quyển sách trước khi ngủ hoặc đọc và học 10 từ vựng mới trong xe buýt trên đường đi học. Sau một năm bạn sẽ có đủ vốn từ vựng để giao tiếp ổn.
- Bạn cần **học từ vựng** càng nhiều càng tốt bởi vì cấu trúc ngữ pháp không thể giúp bạn học tốt một ngôn ngữ, nếu bạn không có đủ ít nhất 2000 từ vựng cơ bản!
- **Học cách phát âm đúng**, nếu không thì bạn không thể hiểu người khác nói gì và người khác cũng không thể hiểu bạn nói gì!
Chú ý! Thật sự không quan trọng nếu bạn có giọng nói chuẩn giống người bản xứ hay không. Điều quan trọng là bạn cần phát âm rõ, đúng.
- **Tập hướng suy nghĩ để thành lập câu một cách đơn giản nhất!** Đầu tiên bạn cần tập trung vào các ngữ pháp đơn giản. Quan trọng nhất là bạn cần tránh việc nhầm lẫn và dùng sai các ngữ pháp cơ bản giữa thì hiện tại, quá khứ và tương lai.
- **Lặp đi lặp lại nhiều lần** cho đến khi bạn nói tiếng Đức bằng cảm giác, mà không phải bằng cách học thuộc lòng. Khi bạn bắt đầu nói bằng cảm giác, lúc đó bạn sẽ thật sự yêu thích ngôn ngữ này.

Các trọng tâm và sự hỗ trợ từ tôi!



- Bạn ngại nói vì sợ sai? Bạn muốn loại bỏ nỗi sợ này nhưng không biết làm thế nào?
- Bạn cần sự hỗ trợ để đậu bài thi A1, A2 một cách nhanh chóng? (nghe, nói, đọc, viết)
- Bạn cần sự hỗ trợ để thi kỹ năng nói B1 tại Goethe? Kỹ năng mà các bạn sợ bị rớt nhất?
- Bạn muốn giao tiếp tốt nhưng không có cơ hội, học hoài mà không thể nói?
- Bạn muốn nói bằng cảm giác, thay vì cứ phải học theo kiểu truyền thống, học chỉ để thi có bằng nhưng không giao tiếp được?
- Bạn muốn học giao tiếp nhanh nhất có thể mà không bị áp lực?
- Bạn muốn bứt phá và tiến tới việc thành công học tiếng Đức một cách nhanh chóng và hiệu quả?



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran





Mời các bạn thưởng thức quyển sách audio của tôi!

Cách sử dụng quyển sách này?

1. Đầu tiên bạn nên đọc các câu chuyện bằng tiếng Việt để có cảm giác về nội dung của nó. Sau đó sẽ dễ dàng hơn cho bạn để đoán và nhớ các từ vựng mà bạn không biết.
2. Bôi vàng những từ mà bạn không biết và viết xuống tập. Bởi vì bạn sẽ phải kiểm tra lại nó sau đó.
3. Nghe các câu chuyện lặp đi lặp lại nhiều lần, cho đến khi bạn có thể hiểu tất cả mọi thứ.
4. Hãy cố gắng lặp lại cách phát âm đúng của các từ vựng.

Việc dịch thuật không phải dịch theo từng từ một. Nó được dịch một cách linh hoạt theo văn phong của từng ngôn ngữ. Bạn không thể dịch mọi thứ từng từ một bởi vì mỗi ngôn ngữ có văn phong khác nhau.

Ví dụ: Ich warte in der Schlange!
 Chúng ta không thể dịch sang tiếng Việt như:
 Tôi đang đợi trong con rắn 😊



German-Key
 info@german-key.com
 www.german-key.com
 Sophie Tran



1. Sommertage sind toll
2. Der Umzug in mein neues Haus
3. Eine Hausaufgabe über meine Familie
4. Unsere Morgenroutine
5. Die erste Schulwoche
6. Ein Besuch im Supermarkt
7. Die Sachen die ich gerne mache
8. Mein super schneller Karottenkuchen
9. Timmy der Schneemann
10. Die Familie meines Vaters
11. Mein junger Großvater
12. Der Geburtstag meiner Oma
13. Wir planen unseren Sommerurlaub
14. Die Tage vor der Abreise
15. Der Trip in die USA
16. Die Ankunft in den USA
17. Der erste Tag in den USA
18. Die Autofahrt durch die USA
19. Meine amerikanischen Freunde
20. Zurück zu Hause
21. Was ich werden will, wenn ich erwachsen bin!
22. Unsere Welt wird im Jahr 2060 nicht dieselbe sein.
23. Neujahrsvorsätze
24. Der Tag vor meinem ersten Arbeitstag
25. Ich bekomme meinen Führerschein
26. Wie werden unsere neuen Nachbarn sein?
27. Falls es nicht regnet, fahren wir in die Berge!
28. Lernen für eine wichtige Prüfung
29. Die Silberhochzeit meiner Eltern
30. Hochzeit in London
31. Ein Tag im Einkaufszentrum
32. Ein sehr anstrengendes Wochenende
33. Ein Tag für die Erde
34. Auf der Post in Miami
35. Grüße aus Miami
36. Ein Tag mit meinen Schulfreunden
37. Die Familie meiner besten Freundin Mia
38. Ideen für die Gartenparty
39. Der Schüleraustausch
40. Die Austauschschülerin
41. Das ist unsere Schule
42. Im Park mit meinem Hund Milo
43. Mein Zimmer
44. Auf der Suche nach einem neuen Apartment
45. Das perfekte Apartment
46. Mein Fahrradunfall
47. Schwimmunterricht
48. Ein Besuch beim Zahnarzt
49. Wieder krank!
50. Ich erzähle meinem Großvater vom Vorstellungsgespräch

1. Những ngày mùa hè thật tuyệt
2. Chuyển vào nhà mới
3. Bài tập về nhà về gia đình
4. Thói quen buổi sáng của chúng tôi
5. Tuần học đầu tiên
6. Một chuyến ghé thăm siêu thị
7. Những thứ tôi thích làm
8. Bánh cà rốt nhanh siêu ngon của tôi
9. Người tuyết Timmy
10. Gia đình của ba tôi
11. Người bố trẻ của tôi
12. Ngày sinh nhật của bà tôi
13. Chúng tôi lập kế hoạch cho kỳ nghỉ hè
14. Những ngày trước khi khởi hành đi du lịch
15. Chuyến đi ở Mỹ
16. Thời gian đến ở Mỹ
17. Ngày đầu tiên ở Mỹ
18. Chuyến đi ô tô xuyên suốt nước Mỹ
19. Những người bạn Mỹ của tôi
20. Quay về nhà
21. Điều tôi muốn trở thành khi lớn lên
22. Thế giới của chúng ta sẽ không giống như vậy vào năm 2060
23. Kế hoạch năm mới
24. Vào cái ngày trước ngày làm việc đầu tiên của tôi
25. Tôi nhận bằng lái xe
26. Những hàng xóm mới của chúng tôi trông như thế nào?
27. Nếu trời không mưa, chúng tôi sẽ đi lên núi!
28. Việc học cho bài kiểm tra quan trọng
29. Đám cưới bạc của bố mẹ tôi
30. Lễ cưới ở London
31. Một ngày trong trung tâm mua sắm
32. Một cuối tuần bận rộn
33. Một ngày cho trái đất
34. Tại bưu điện ở Miami
35. Lời chào từ Miami
36. Một ngày với các bạn học của tôi
37. Gia đình người bạn tốt nhất của tôi Mia
38. Ý tưởng cho bữa tiệc tại vườn
39. Buổi trao đổi học sinh
40. Học sinh trao đổi
41. Đó là trường học của chúng tôi
42. Tại công viên với con chó Milo của tôi
43. Phòng của tôi
44. Trong quá trình tìm kiếm một căn hộ mới
45. Căn hộ hoàn hảo
46. Tai nạn xe đạp của tôi
47. Tiết học bơi
48. Một chuyến ghé thăm tại nha khoa
49. Lại bị bệnh!
50. Tôi kể cho ông mình về buổi phỏng vấn



German-Key

info@german-key.com

www.german-key.com

Sophie Tran

1. Sommertage sind toll

Heute ist ein wirklich heißer Sommertag. Die Temperatur ist hoch und die Sonne scheint. Ich mag diese Tage, weil ich gern im Garten spiele. Ich mag es auch, wenn der Himmel blau ist. Nur mein Vater und ich mögen das warme Wetter. Meine Mutter und meine ältere Schwester bevorzugen wolkige Tage, ihre Lieblings Jahreszeit ist der Herbst. Sie mögen die orangenen und roten Farben der Bäume. Im Oktober gehen sie gerne in den Park in der Nähe von unserem Haus. Ich gehe oft mit Ihnen, weil ich dann im Park spielen kann. Mein Bruder mag kaltes Wetter, besonders wenn es sehr kalt ist. Er fährt sehr gern Ski, deshalb ist der Winter seine Lieblings Jahreszeit. Er hasst den Frühling, weil er eine schreckliche Pollenallergie hat. Ich mag keine Kälte, aber wenn es schneit, dann bauen wir oft einen Schneemann. Unser Schneemann ist immer wunderschön, leider wird er niemals die Blumen in unserem Garten sehen.

1. Những ngày mùa hè thật tuyệt

Hôm nay thật sự là một ngày mùa hè nóng bức. Nhiệt độ thì cao, còn trời thì nắng chói chang. Tôi lại thích những ngày thế này, bởi vì tôi thích chơi ngoài vườn. Tôi cũng thích khi bầu trời trong xanh. Chỉ có ba tôi và tôi thích thời tiết ấm áp. Mẹ tôi và chị gái tôi thích những ngày âm u hơn, mùa thu là mùa yêu thích của họ. Họ thích những màu xanh và đỏ của cây cối. Họ thích đến công viên gần nhà chúng tôi vào tháng mười. Tôi thường đi với họ, vì sau đó tôi có thể chơi tại công viên. Em trai tôi thích thời tiết lạnh lẽo, đặc biệt khi trời rất lạnh. Cậu ấy thích đi trượt tuyết, do đó mùa đông là mùa yêu thích của cậu ấy. Cậu ấy ghét mùa xuân, bởi vì cậu ấy bị dị ứng phấn hoa rất nặng. Tôi không thích sự lạnh lẽo, nhưng khi tuyết rơi chúng tôi thường xây một người tuyết. Người tuyết của chúng tôi luôn luôn rất tuyệt đẹp, rất tiếc nó lại không bao giờ thấy hoa trong vườn của chúng tôi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



2. Der Umzug in mein neues Haus

Meine Familie zieht in ein neues Haus um. Wir haben gerade fertig gepackt. Das neue Haus ist außerhalb der Stadt in einer leisen Nachbarschaft. Das Haus ist bequem, nicht zu groß, nicht zu klein. Das Haus hat eine Küche, ein Wohnzimmer, ein Esszimmer, ein Arbeitszimmer und ein kleines unbequemes Badezimmer im Erdgeschoss. Oben hat das Haus drei Schlafzimmer und ein Badezimmer mit einer Waschmaschine. Wir haben auch einen großen Garten und eine Garage. Ich teile ein Zimmer mit meiner Schwester, wir haben zwei Betten. Mein Bruder hat sein eigenes Zimmer. Er hat ein Bett, einen Schreibtisch und einen Computer. Im Wohnzimmer haben wir einen großen Fernseher und ein Regal mit Brettspielen. Wir haben noch kein Sofa, meine Mutter und mein Vater müssen noch Möbel kaufen. Unsere Küche ist klein, wir haben einen Kühlschrank, einen Backofen, einen Geschirrspüler, eine Microwelle und einige Schränke.

2. Chuyển vào nhà mới

Gia đình tôi chuyển đến một ngôi nhà mới. Chúng tôi vừa hoàn thành đóng gói đồ đạc. Ngôi nhà mới nằm bên ngoài thành phố trong một khu vực tĩnh lặng. Ngôi nhà rất thoải mái, không quá to, cũng không quá nhỏ. Ngôi nhà có một căn bếp, một phòng khách, một phòng ăn, một phòng làm việc và một phòng tắm nhỏ không thoải mái cho lắm ở tầng một. Ở phía trên, ngôi nhà có ba phòng ngủ và một phòng tắm với một máy giặt. Chúng tôi cũng có một khu vườn lớn và một gara để xe. Tôi chia phòng với em gái, chúng tôi có hai giường. Em trai tôi có phòng riêng. Cậu ấy có một giường, một bàn học và một máy tính. Chúng tôi có một ti vi lớn và một cái kệ với bộ cờ đồ chơi trong phòng khách. Chúng tôi vẫn chưa có ghế sofa, mẹ và ba tôi vẫn phải mua thêm đồ nội thất. Căn bếp của chúng tôi thì nhỏ, chúng tôi có một tủ lạnh, một lò nướng, một máy rửa chén, một lò vi sóng và một vài tủ chén.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



3. Eine Hausaufgabe über meine Familie

Heute habe ich eine Hausaufgabe bekommen. Ich muss meine Familie beschreiben. Hier ist sie! Was denkst du? Mein Name ist Emma und ich bin 10 Jahre alt. Ich habe zwei Geschwister. Eine ältere Schwester Eva, sie ist 15 Jahre alt und einen großen Bruder Erik er ist 20 Jahre alt. Meine Schwester ist klein, schlank und hübsch. Mein Bruder ist groß und stark, er ist immer gut gelaunt. Meine Schwester und ich gehen noch zur Schule und mein Bruder geht zur Universität. Wir leben mit unseren Eltern in einem neuen Haus bei Hamburg. Mein Vater arbeitet in einer Bank, sein Name ist John. Er ist aus England, er ist dick und hat rote Haare. Meine Mutter ist Ärztin und arbeitet in einem Krankenhaus. Ihr Name ist Anna und sie ist sehr freundlich. Wir haben auch einen Hund, sein Name ist Milo, und zwei Katzen, Simba und Nala. Ich spiele mit ihnen, so oft ich kann.

3. Bài tập về nhà về gia đình

Hôm nay tôi đã nhận một bài tập về nhà. Tôi phải mô tả gia đình của mình. Nó đây! Bạn nghĩ gì? Tên tôi là Emma và tôi mười tuổi. Tôi có hai anh chị em ruột. Một chị gái tên Eva, chị ấy mười lăm tuổi và một anh trai tên Erik hai mươi tuổi. Chị gái tôi người nhỏ nhắn, ốm và xinh đẹp. Anh trai tôi thì to cao và khỏe mạnh, anh ấy luôn có tâm trạng tốt. Chị gái và tôi vẫn còn đi học trung học, còn anh tôi thì học đại học. Chúng tôi sống cùng với ba mẹ trong một ngôi nhà mới ở Hamburg. Ba tôi làm việc trong một ngân hàng, tên ông ấy là John. Ông ấy đến từ Anh, ông hơi mập và có mái tóc màu đỏ. Mẹ tôi là bác sĩ và làm việc trong một bệnh viện. Tên bà ấy là Anna và bà rất thân thiện. Chúng tôi cũng có một con chó, tên nó là Milo và hai con mèo tên là Simba và Nala. Tôi chơi với chúng thường nhất có thể.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



4. Unsere Morgenroutine

Jeden Morgen um 6 Uhr stehen meine Mutter und mein Vater auf. Sie machen Frühstück, danach essen wir zusammen um 6:30 Uhr. Meine Mutter trinkt Kaffee, mein Vater und mein Bruder trinken Tee. Meine Schwester will immer einen kalten Apfelsaft. Ich brauche einen heißen Kakao. Wir alle essen Brot, Eier und Marmelade. Manchmal essen wir Cornflakes mit Milch oder Toast und Früchte. Nach dem Frühstück machen wir uns fertig, um aus dem Haus zu gehen. Ich ziehe mich an und packe meine Bücher in meinen Rucksack. Ich ziehe eine Bluse und eine Hose, oder einen Rock an. Meine Schwester nimmt eine Dusche und zieht sich an. Sie wechselt ihre Kleidung sehr oft. Sie braucht viel Zeit. Meine Mutter beschwert sich immer „Eva du bist spät dran!“. Wir verlassen unser Haus um 7 Uhr. Ich gehe mit meinen Eltern. Sie fahren mich zur Schule. Dann bringt mein Vater meine Mutter zur Arbeit. Meine Schwester nimmt das Fahrrad und mein Bruder den Bus. Die Bushaltestelle ist auf der anderen Straßenseite.

4. Thói quen buổi sáng của chúng tôi

Mẹ và ba tôi thức dậy vào mỗi buổi sáng lúc 6 giờ. Họ làm bữa sáng, sau đó chúng tôi ăn cùng nhau lúc 6h30. Mẹ tôi uống cà phê, ba và anh tôi uống trà. Chị tôi luôn muốn uống một ly nước ép táo lạnh. Tôi thì cần một ly ca cao nóng. Tất cả chúng tôi ăn bánh mì, trứng và mứt. Thỉnh thoảng chúng tôi ăn bánh ngô với sữa hoặc bánh mì nướng và trái cây. Sau bữa ăn sáng chúng tôi vào tư thế sẵn sàng để rời khỏi nhà. Tôi mặc quần áo và đặt những quyển sách của mình vào ba lô. Tôi mặc một áo sơ mi và một quần hoặc một váy. Chị tôi thì đi tắm rồi mặc quần áo. Chị ấy rất thường thay đổi quần áo. Chị ấy cần nhiều thời gian. Mẹ tôi luôn phàn nàn „Eva, con bị muộn!“ Chúng tôi rời khỏi nhà lúc 7h. Tôi đi cùng với ba mẹ. Họ đưa tôi đến trường. Sau đó ba tôi đưa mẹ tôi đi làm. Chị tôi thì đi xe đạp, còn anh tôi đi xe buýt. Trạm xe buýt ở phía bên kia đường.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



5. Die erste Schulwoche

Morgen beginnt die erste Schulwoche nach den Ferien. Ich bin glücklich, wieder in die Schule zu gehen und meine Freunde zu sehen. Die Schule fängt jeden Tag um 8 Uhr an und endet um 13:00 Uhr. Dieses Jahr habe ich einen neuen Stundenplan. Am Montag habe ich Englisch und Chemie. Am Nachmittag habe ich Musikunterricht und ich spiele Gitarre. Am Dienstag habe ich Mathematik, Deutsch und Kunst. Mathe ist mein absolutes Lieblingsfach. Am Mittwoch habe ich Französisch, Informatik und Sport. Am Donnerstag habe ich Biologie und Physik. Nachmittags gehe ich ins Schwimmbad. Am Freitag habe ich Geographie und Musik. Nach der Schule gehe ich in den Park mit meiner Freundin Lisa. Manchmal essen wir auch ein Eis. Am Samstag und Sonntag gibt es keinen Unterricht. In der ersten Woche haben wir ein Picknick am Samstag. Am Sonntag lerne ich und mache meine Hausaufgaben. Wir besuchen auch oft meine Großeltern und essen Mittag zusammen.

5. Tuần học đầu tiên

Tuần học đầu tiên sẽ bắt đầu vào ngày mai sau kỳ nghỉ hè. Tôi rất vui để đi học lại và gặp bạn bè của mình. Trường học bắt đầu mỗi ngày vào lúc 8h và kết thúc vào lúc 13h. Trong năm nay tôi có một lịch học mới. Vào thứ hai tôi có lớp tiếng Anh và Hóa. Vào buổi chiều tôi có tiết học âm nhạc và tôi chơi ghi ta. Vào thứ ba tôi có tiết học Toán, tiếng Đức và nghệ thuật. Môn Toán chắc chắn là môn học yêu thích của tôi. Vào thứ tư tôi có môn tiếng Pháp, công nghệ thông tin và thể thao. Vào thứ năm tôi có tiết sinh học và vật lý. Vào những buổi chiều tôi đi đến hồ bơi. Vào thứ sáu tôi có tiết học địa lý và âm nhạc. Sau khi tan học tôi đến công viên với bạn tôi tên Lisa. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng ăn kem. Vào thứ bảy và chủ nhật không có tiết học nào. Trong tuần đầu tiên chúng tôi có một chuyến dã ngoại vào thứ bảy. Vào chủ nhật tôi học và làm bài tập về nhà. Chúng tôi cũng thường thăm ông bà của mình và cùng ăn bữa trưa.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



6. Ein Besuch im Supermarkt

Heute werde ich mit meinem Bruder im Supermarkt Süßigkeiten kaufen. Ich mag keine Supermärkte, weil man da immer lange in der Schlange stehen muss. Mein Bruder hat gesagt, dass ich mir eine Schokolade aussuchen kann, deshalb gehe ich mit. Unsere Mutter hat uns eine Einkaufsliste gegeben, damit wir nichts vergessen. Wir müssen viele verschiedene Sachen kaufen. Wir brauchen ein Kilo Zucker, ein Kilo Mehl, zwei Kilo Reis, zwei Kilo Hähnchen und 1 Kilo Rindfleisch. Wir brauchen auch einige Früchte und Gemüse. Zum Mittagessen gibt es einen Salat aus Tomaten, Gurken und Zwiebeln. Dazu gibt es noch gekochte Kartoffeln und einen Fisch. Ich mag nicht so gerne Fisch essen, aber ich liebe Fischstäbchen. Mein Bruder kauft die Fischstäbchen nur für mich. Unser Einkaufskorb ist schon sehr voll und wir gehen zur Kasse. Die vollen Taschen sind schwer, aber ich helfe meinem Bruder so gut ich kann. Als wir zuhause angekommen sind, habe ich sofort den Fisch in den Kühlschrank gepackt, aber meine Schokolade habe ich vergessen.

6. Một chuyến ghé thăm siêu thị

Hôm nay tôi sẽ mua đồ ngọt trong siêu thị với anh trai của mình. Tôi không thích siêu thị, bởi vì phải luôn đứng xếp hàng dài. Anh trai tôi đã nói rằng tôi có thể chọn một thỏi sô cô la, do đó tôi đi cùng. Mẹ tôi đã đưa cho chúng tôi một danh sách mua sắm, để chúng tôi không quên bất kỳ thứ gì hết. Chúng tôi phải mua nhiều thức khác nhau. Chúng tôi cần một ký đường, một ký bột, hai ký gạo, hai ký thịt gà và một ký thịt bò. Chúng tôi cũng cần một ít trái cây và rau củ. Cho bữa trưa thì có một sa lát từ cà chua, dưa leo và hành. Thêm nữa vẫn có khoai tây đã nấu chín và một con cá. Tôi không quá thích ăn cá, nhưng tôi yêu thích que cá. Anh tôi chỉ mua que cá cho tôi. Giỏ mua sắm của chúng tôi thì đầy ròi và chúng tôi đến quầy thanh toán. Túi đầy thì khá nặng, nhưng tôi giúp anh tôi tốt nhất có thể. Khi chúng tôi về đến nhà, tôi đặt cá vào tủ lạnh, nhưng tôi đã quên món sô cô la của mình.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



7. Die Sachen die ich gerne mache

Ich habe viele Hobbys. Ich gehe mit meinen Freunden gerne in das Stadtzentrum damit wir ein Eis nach der Schule essen können. Ich spiele gerne Gitarre. Das ist mein Lieblings Instrument. Ich höre auch sehr gerne Musik. Meistens höre ich Pop Musik. Ich gehe auch gerne mit meiner kleinen Schwester Emma in den Park. Der Park ist in der Nähe von unserem Haus. Ich liebe es zu lesen. Am liebsten lese ich Fantasy Bücher. Aber mein Lieblingshobby ist Kochen. An Sonntagen koche ich mit meiner Mutter. Wir haben immer viel Spaß! Wenn ich genug Zeit habe, dann mache ich einen Nachtisch oder backe einen Kuchen oder Kekse. Meine Schwester liebt meine Schokoladenkekse. Meine Mutter liebt meinen Karottenkuchen. Es ist ihr Lieblingsnachtisch. Sie ist auf Diät und sie glaubt, dass der Kuchen wegen der Karotten gesund ist. Eines Tages werde ich sicher mein eigenes Kochbuch schreiben.

7. Những thứ tôi thích làm

Tôi có nhiều sở thích. Tôi thích đến trung tâm thành phố với những người bạn của mình, như thế chúng tôi có thể ăn kem sau khi tan học. Tôi thích chơi ghi ta. Đó là nhạc cụ âm nhạc yêu thích của tôi. Tôi cũng rất thích nghe nhạc. Tôi thích nghe nhất là nhạc pop. Tôi cũng thích đến công viên với em gái nhỏ của mình Emma. Công viên ở gần nhà chúng tôi. Tôi thích đọc nữa. Tôi thích đọc nhất những cuốn sách tuyệt vời. Nhưng sở thích yêu thích của tôi là nấu nướng. Vào những ngày chủ nhật tôi nấu ăn cùng mẹ mình. Chúng tôi luôn vui vẻ cùng nhau! Khi tôi có đủ thời gian, tôi hay làm một món tráng miệng hoặc nướng một cái bánh hoặc bánh quy. Em gái tôi yêu thích bánh quy sô cô la của tôi. Mẹ tôi yêu thích bánh cà rốt của tôi. Nó là món tráng miệng yêu thích của bà ấy. Bà ấy ăn kiêng và bà tin rằng bánh thì tốt cho sức khỏe nhờ cà rốt. Vào một ngày chắc chắn tôi sẽ viết một cuốn sách nấu ăn của riêng mình.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



8. Mein super schneller Karottenkuchen

Ich will dir zeigen, wie ich meinen Lieblingsnachtisch mache! Der Karottenkuchen! Zuerst bereite ich die Zutaten vor. Eine Tasse Honig, vier Eier, eineinhalb Tassen Mehl, drei Karotten, vier Esslöffel Kokosnussöl und einen Teelöffel Vanille. Als zweites schäle und schneide ich die Karotten in kleine Stücke. Danach kommen die Karotten, das Kokosnussöl, der Honig, die Vanille und die Eier in einen Mixer. Ich mixe alles für eine Minute. Danach kommt alles in eine Schüssel und ich gebe das Mehl hinzu. Ich backe den Kuchen für 35 bis 45 Minuten bei 180 °C. Sei vorsichtig der Ofen ist sehr heiß. Wenn der Kuchen fertig und kalt ist dann, lege ich Früchte, Marmelade, Schokolade oder Süßigkeiten auf ihn. Der Kuchen ist sehr weich! Am Ende mache ich die Küche sauber. Die meiste Zeit brauche ich, um das Geschirr abzuwaschen! Alle in meiner Familie lieben diesen Kuchen!

8. Bánh cà rốt nhanh siêu ngon của tôi

Tôi muốn cho bạn xem làm thế nào tôi làm món tráng miệng yêu thích của mình! Bánh cà rốt! Đầu tiên tôi chuẩn bị nguyên liệu. Một chén mật ong, bốn quả trứng, một chén rưỡi bột, ba củ cà rốt, bốn muỗng canh dầu dừa và một muỗng cà phê va ni. Bước thứ 2 tôi gọt và cắt cà rốt thành miếng nhỏ. Sau đó trộn cà rốt, dầu dừa, mật ong, va ni và trứng vào nhau. Tôi trộn tất cả mọi thứ trong một phút. Sau đó nửa thì đổ mọi thứ vào một cái tô và tôi cho thêm bột vào. Tôi nướng bánh khoảng 35 đến 45 phút ở nhiệt độ 180 độ C. Cần phải cẩn thận, lò nướng rất nóng. Khi bánh xong, sau đó để nguội, sau đó tôi đặt trái cây, mứt, sô cô la hoặc kẹo lên bánh. Bánh thật sự rất mềm! Cuối cùng tôi dọn dẹp bếp sạch sẽ. Tôi cần hầu hết thời gian để rửa chén! Tất cả mọi người trong gia đình tôi đều yêu thích bánh này!

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



9. Timmy der Schneemann

Heute schneit es und ich will einen Schneemann bauen. Meine Schwester hilft mir. Zuerst rollen wir immer einen großen Schneeball für den Körper. Unser Schneemann hat keine Beine und wir machen einen kleinen Schneeball für den Kopf. Wir benutzen zwei Äste als Arme. Meine Schwester und ich sammeln immer viele Äste, danach wählen wir die besten aus. Wenn der Körper fertig ist, dann machen wir das Gesicht. Wir benutzen zwei Knöpfe für die Augen, eine Karotte für die Nase, als Augenbrauen nehmen wir schwarze Lakritzstangen, und den Mund machen wir aus einer Orangen Schale. Wir machen ein nettes orangefarbenes Lächeln. Ich gebe meinen Schneemännern gerne einen Namen. Dieser hier heißt Timmy! Wenn der Schneemann steht, dann ziehen wir ihn an. Wir wickeln einen grünen Schal um ihn, wir geben ihm einen Hut und Handschuhe für seine Hände. Sogar Ohrschützer haben wir ihm gegeben, obwohl er keine Ohren hat. Wir mögen diesen Style sehr!

9. Người tuyết Timmy

Hôm nay tuyết rơi và tôi muốn xây một người tuyết. Em gái tôi giúp tôi. Đầu tiên chúng tôi luôn cuộn một quả bóng tuyết lớn cho cái thân. Người tuyết của chúng tôi có cái bụng nhỏ và chúng tôi làm một quả bóng tuyết nhỏ cho cái đầu. Chúng tôi sử dụng hai nhánh cây như hai cánh tay. Em gái và tôi luôn nhặt nhiều nhánh cây, sau đó chúng tôi chọn nhánh tốt nhất. Khi cái thân người tuyết xong, chúng tôi làm khuôn mặt. Chúng tôi sử dụng hai cái nút cho đôi mắt, một củ cà rốt cho cái mũi, còn lông mày thì chúng tôi lấy thanh cam thảo đen, còn cái miệng thì chúng tôi làm từ vỏ cam. Chúng tôi làm một nụ cười màu cam đẹp. Tôi thích đặt một cái tên cho những người tuyết của mình. Người tuyết này có tên là Timmy! Khi người tuyết đứng, chúng tôi mặc quần áo cho nó. Chúng tôi quấn cho nó một cái khăn choàng cổ màu xanh lá cây, chúng tôi cho nó một cái mũ và bộ bao tay cho đôi tay của nó. Thậm chí chúng tôi đã cho nó một cái bít tai, tuy nhiên nó không có tai. Chúng tôi thích phong cách này rất nhiều!

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



10. Die Familie meines Vaters

Mein Vater ist aus England, und seine Familie lebt in London. Seine Familie ist nicht sehr groß. Meine Großmutter, sein Bruder und seine Schwester. Mein Vater ist das älteste Kind. Meine Oma ist eine starke Frau. Sie hat immer hart gearbeitet. Sie musste immer vor 5Uhr morgens aufstehen, aber jetzt hat ihre Familie viel Geld. Vielleicht sind sie sogar ein bisschen reich! Mein Onkel Eddy ist lustig und faul. Er steht nie früh auf! Mein Vater sagt manchmal, dass er etwas faul und dumm ist. Er arbeitet in einer großen Firma für Schokolade. Meine Tante Emily ist die jüngste von allen. Sie ist sehr hübsch und schlau. Sie ist Krankenschwester. Sie liebt es, anderen Menschen zu helfen. Sie liebt meinen Vater auch sehr. Meine Tante lebt mit meiner Großmutter in einem alten aber schönen Haus. Mein Onkel lebt in einem anderen Haus in derselben Nachbarschaft. Ich liebe es, Zeit mit ihnen zu verbringen. Wir besuchen sie alle 3 Jahre.

10. Gia đình của ba tôi

Ba tôi đến từ Anh và gia đình ông ấy sống ở London. Gia đình ông ấy không quá lớn. Bà nội tôi, em trai và em gái của ông ấy. Ba tôi là con lớn nhất. Bà tôi là một người phụ nữ mạnh mẽ. Bà ấy luôn làm việc rất chăm chỉ. Bà ấy đã phải luôn thức dậy vào lúc 5h mỗi buổi sáng, nhưng bây giờ gia đình bà có nhiều tiền. Thậm chí có thể bà ấy giàu một chút! Chú tôi Eddy thì vui tính và lười biếng. Ông ấy không bao giờ dậy sớm! Ba tôi thỉnh thoảng nói rằng ông ấy lười một chút và hơi ngốc. Ông ấy làm việc trong một công ty lớn về sô cô la. Cô của tôi Emily là con nhỏ nhất trong tất cả. Cô ấy rất xinh đẹp và thông minh. Cô ấy là điều dưỡng viên. Cô ấy yêu thích để giúp đỡ những người khác. Cô ấy cũng yêu ba tôi rất nhiều. Cô của tôi sống cùng với bà nội của tôi trong một ngôi nhà cũ nhưng đẹp. Chú tôi sống trong một ngôi nhà khác trong cùng khu vực. Tôi rất thích dành thời gian của mình với họ. Chúng tôi ghé thăm tất cả họ ba năm một lần.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



11. Mein junger Großvater

Mein Großvater hat mir sein Fotoalbum gezeigt. Er war jung, groß und attraktiv. Er hatte sogar lange Haare. Ich habe ihn gefragt, wie sein Leben war, als er noch Kind war. Er hat mir gesagt, dass seine Eltern einen kleinen Bauernhof hatten. Sie haben immer hart gearbeitet, aber das Geld war immer knapp. Sie waren arm. Jeden Tag, nach der Schule, hat er seinen Eltern bei der Arbeit auf dem Bauernhof geholfen. Sie hatten viele verschiedene Tiere. Eine Kuh, ein Pferd, zwei Schweine und Hühner. Sie hatten auch einige Obstbäume und Gemüse. Abends haben wir immer zusammen gegessen und über den Tag gesprochen. Bevor sie schlafen gegangen sind, haben sie noch Radio gehört, weil sie keinen Fernseher hatten. Internet und Computer gab es damals nicht. Die Tage waren immer sehr anstrengend, weil sie wegen der Tiere immer sehr früh aufstehen mussten. Aber mein Großvater hat immer gesagt, dass er eine sehr schöne Kindheit hatte!

11. Người bố trẻ của tôi

Bố của tôi đã cho tôi xem album ảnh của ông ấy. Ông ấy đã rất trẻ, to cao và hấp dẫn. Thậm chí ông ấy đã có một mái tóc dài. Tôi đã hỏi ông ấy, cuộc sống ông ấy thế nào khi ông ấy còn nhỏ. Ông ấy đã nói với tôi rằng bố mẹ ông ấy đã có một nông trại nhỏ. Họ đã luôn làm việc rất chăm chỉ, nhưng tiền thì luôn thiếu. Họ nghèo lắm. Mỗi ngày sau khi tan học ông ấy đã luôn giúp bố mẹ ông làm việc tại nông trại. Họ có nhiều động vật khác nhau. Một con bò, một con ngựa, hai con heo và nhiều gà. Họ cũng có một vài cây ăn trái và rau củ. Vào buổi tối chúng tôi luôn ăn cùng nhau và nói chuyện về các hoạt động trong ngày. Trước khi họ đi ngủ, họ vẫn nghe radio, bởi vì họ có một cái tivi nhỏ. Vào thời điểm đó internet và máy tính không có. Ban ngày thì luôn rất mệt mỏi, bởi vì họ luôn phải thức dậy sớm vì các động vật. Nhưng bố tôi đã luôn nói rằng ông ấy đã có một tuổi thơ đẹp đẽ!

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



12. Der Geburtstag meiner Oma

Gestern hatte meine Oma Geburtstag. Es war ihr Siebzigster. Wir haben in einem italienischen Restaurant gefeiert. Die gesamte Familie meiner Mutter war da. Meine Tante, ihr Ehemann und meine Cousine. Mein Onkel kommt aus Irland und ist wegen meiner Oma nach Deutschland geflogen.

Meine Schwester, mein Bruder und ich haben meiner Mutter geholfen die Party zu planen. Wir haben Ballons, Blumen und ein Geschenk gekauft. Zusätzlich hat meine Mutter einen Tisch im Lieblings-restaurant meiner Oma reserviert. Meine Oma war sehr glücklich, dass sie alle ihre Kinder und Enkelkinder zusammen sehen konnte. Meine Oma hat als Hauptspeise eine Lasagne bestellt. Ich habe sie auch bestellt, weil meine Oma sie mir empfohlen hat. Sie war großartig. Ich habe alles aufgegessen. Danach war ich wirklich satt, die Portion war für Kinder viel zu groß! Als wir gegessen haben hat mein Cousin sein Glas umgekippt, und sein Saft ist über den Tisch gelaufen. "Kein Problem!" hat der Kellner gesagt und schnell alles auf-gewischt. Nach dem Essen hat die Kellnerin die Geburtstagstorte gebracht und wir haben "Happy Birthday" gesungen. Es war eine Schokoladen Torte. Ich weiß nicht warum, aber es waren nur zehn Kerzen drauf?

12. Ngày sinh nhật của bà tôi

Hôm qua bà tôi có sinh nhật. Đó đã là sinh nhật 70 của bà ấy. Chúng tôi đã tổ chức tại một nhà hàng Ý. Toàn bộ gia đình của mẹ tôi đã ở đó. Dì tôi, chồng dì ấy và những anh chị họ của tôi. Cậu tôi đến từ Ailen và đã bay đến Đức vì bà của tôi. Chị tôi, anh tôi và tôi đã giúp mẹ tôi lập kế hoạch cho bữa tiệc. Chúng tôi đã mua bóng bay, hoa và một món quà. Thêm nữa mẹ tôi đã đặt một bàn ăn trong nhà hàng yêu thích của bà tôi. Bà tôi đã rất vui, rằng bà ấy đã có thể thấy những đứa con và những đứa cháu ở cùng nhau. Bà tôi đã đặt một chai rượu Lasagne như một món chính. Tôi cũng đặt nó, vì bà tôi đã giới thiệu nó cho tôi. Nó đã rất tuyệt. Tôi đã ăn hết tất cả mọi thứ. Sau đó tôi thật sự no, phần ăn cho trẻ đã quá nhiều. Khi chúng tôi ăn xong, em họ của tôi đã làm đổ cái ly của cậu ấy. Và nước ép đã chảy ra bàn. „Không sao“ người phục vụ nói và lau tất cả mọi thứ một cách nhanh chóng. Sau bữa ăn, người phục vụ nữ đã mang một cái bánh sinh nhật và chúng tôi đã hát chúc mừng sinh nhật „Happy birthday“. Nó đã là một cái bánh sô cô la. Tôi không biết tại sao trên cái bánh chỉ có 10 cây nến?

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



13. Wir planen unseren Sommerurlaub

Jedes Jahr machen wir einen Sommerurlaub. Wir besuchen Orte, die wir mit dem Auto erreichen können. Aber dieses Jahr plant meine Mutter einen Urlaub in Amerika. Die Planung ist sehr schwierig, weil die USA sehr groß sind. Es gibt dort viel zu sehen, und wir haben alle unterschiedliche Vorstellungen. Ich möchte unbedingt nach New York, um den Time Square und das Empire State Building, die Freiheitsstatue und den Central Park zu sehen. Meine Schwester träumt vom Disneypark in Orlando. Meinem Bruder ist die Stadt egal, er wünscht sich unbedingt einen Strand. Meine Eltern besuchen sehr gern Museen und Nationalparks. Meine Mutter plant alles so, dass alle zufrieden sind.

Sie hat ein Angebot entdeckt. Von New York nach Orlando. Wir werden 3 Tage in New York und 6 Tage in Orlando sein. Meine Schwester ist sehr glücklich darüber, dass wir mehrere Tage das Disneyland besuchen werden. Leider werden wir nicht direkt am Strand wohnen, doch dafür werden wir in Orlando ein tolles Hotel mit einem riesigen Pool haben. Am Ende sind wir alle sehr zufrieden mit der Planung.

13. Chúng tôi lập kế hoạch cho kỳ nghỉ hè

Vào mỗi năm chúng tôi làm một kỳ nghỉ hè. Chúng tôi ghé thăm nhiều nơi mà chúng tôi có thể đi bằng xe hơi. Nhưng năm nay mẹ tôi lại có kế hoạch cho 1 kỳ nghỉ ở Mỹ. Kế hoạch thì rất khó, bởi vì nước Mỹ rất lớn. Ở đó có nhiều thứ để xem và tất cả chúng tôi có nhiều ý tưởng khác nhau. Chắc chắn tôi muốn đi Newyork để xem quảng trường thời đại và tòa nhà Quốc hội, tượng nữ thần tự do và công viên trung tâm. Chị tôi có ước mơ đến công viên Disney ở Orlando. Anh tôi thì không quan tâm thành phố cho lắm, anh ấy chắc chắn ước về một bãi biển. Bố mẹ tôi rất thích ghé thăm bảo tàng và những công viên quốc gia. Mẹ tôi lập kế hoạch cho tất cả mọi thứ, rằng mọi người sẽ hài lòng. Bà ấy đã phát hiện ra một chương trình khuyến mãi. Từ Newyork đến Orlando. Chúng tôi sẽ ở Newyork 3 ngày và ở Orlando 6 ngày. Chị tôi rất vui về điều đó, rằng chúng tôi sẽ ghé thăm vùng đất Disney một vài ngày. Thật tiếc chúng tôi sẽ không sống ở bãi biển trực tiếp được, mà chúng tôi sẽ có một khách sạn tuyệt đẹp với một hồ bơi khổng lồ ở Orlando. Cuối cùng tất cả chúng tôi đều hài lòng với kế hoạch đó.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



14. Die Tage vor der Abreise

Eine Woche vor der Reise haben wir mit unseren Vorbereitungen angefangen. Wir hatten sehr viel zu tun. Wir mussten neue Kleidung kaufen. Meine Schwester brauchte einen neuen Badeanzug, mein Bruder eine Sonnenbrille, meine Mutter und ich natürlich neue Kleider und mein Vater einen Sonnenhut, damit er keinen Sonnenbrand auf dem Kopf bekommt. Neue Kleider sind wichtig, damit wir schöne Bilder haben. Mein altes Sommerkleid war schon zu klein, zu alt und hässlich. Danach mussten wir unsere Taschen packen. Ich habe drei Paare Schuhe eingepackt, eine Jacke, zwei Röcke, ein Kleid, zwei kurze Hosen, viele T-Shirts, meinen Badeanzug, Socken, Unterwäsche, Sonnencreme und Makeup. In meinen Rucksack habe ich meinen Ausweis, meinen Reisepass, mein Ticket, mein Tablet, mein Handy, meine Kopfhörer, mein Ladegerät und ein Kissen eingepackt. Meine Mutter hat mit meinem Vater einen Plan geschrieben, in dem alle wichtigen Sehenswürdigkeiten unserer Reise sind. Einen Tag vor unserer Abreise fahren wir zu meinen Großeltern. Wir bringen ihnen unseren Hund, sie müssen auf ihn aufpassen, bis wir wieder da sind. Wir werden ihnen auch den Schlüssel von unserem Haus geben, damit sie die Blumen gießen und die Post aus dem Briefkasten nehmen können. Meine Eltern sagen, wenn der Briefkasten zu voll ist, dann denken die Einbrecher, dass wir im Urlaub sind.

14. Những ngày trước khi khởi hành đi du lịch

Một tuần trước chuyến du lịch, chúng tôi đã bắt đầu với việc chuẩn bị. Chúng tôi có nhiều thứ để làm. Chúng tôi đã phải mua quần áo mới. Chị gái tôi cần một bộ đồ bơi mới, anh tôi thì cần một cái kính mát, mẹ tôi và tôi tất nhiên cần quần áo mới và bố tôi cần một cái mũ để khỏi phải bị nắng cháy đầu. Quần áo mới thì quan trọng để chúng tôi có những bức ảnh đẹp. Những quần áo mùa hè cũ của tôi đã quá chật, quá cũ và xấu rồi. Do đó chúng tôi đã phải đóng gói hành lý của mình. Tôi đã đóng gói 3 đôi giày, 1 cái áo khoác, 2 cái váy, 1 cái đầm, 2 quần ngắn, nhiều áo thun, áo bơi của tôi, tất, đồ lót, kem chống nắng và đồ trang điểm. Tôi đã đóng gói chứng minh thư, hộ chiếu, vé, máy tính bảng, điện thoại, tai nghe, dây sạc và 1 cái gối trong ba lô của mình. Mẹ tôi đã viết một kế hoạch với bố tôi, trong đó có tất cả những danh lam thắng cảnh quan trọng của chuyến du lịch của chúng tôi. Một ngày trước khi khởi hành, chúng tôi đến chỗ ông bà của tôi. Chúng tôi mang cho họ con chó của chúng tôi, họ phải chăm sóc nó cho đến khi chúng tôi trở lại. Chúng tôi cũng sẽ đưa chìa khóa nhà cho họ, vì vậy họ có thể tưới nước cho hoa và nhận bưu phẩm từ hộp thư. Bố mẹ tôi nói, khi hộp thư đầy, thì những tên trộm sẽ nghĩ rằng chúng tôi đang đi du lịch.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



15. Der Trip in die USA

Der Tag der Abreise hat sehr früh angefangen. Wir sind um 4Uhr aufgestanden. Ich musste meinen Wecker stellen. Unser Großvater hat uns abgeholt und uns zum Flughafen gefahren. Nach 10 Minuten Fahrt mussten wir wieder zurückfahren, weil mein Bruder seinen Reisepass vergessen hat. Meine Mutter war sauer, aber zum Glück waren wir noch nicht am Flughafen. Wir sind pünktlich am Flughafen angekommen. Wir haben eingecheckt und unser Gepäck abgegeben. Danach mussten wir uns in eine lange Schlange stellen, um durch den Sicherheitsbereich zu gehen. Unser Gate haben wir schnell gefunden, und wir mussten 45 min auf das Boarding warten. Im Flugzeug habe ich zwischen meinen Geschwistern gesessen. Mein Vater hat Flugangst, deswegen hat er eine Tablette genommen und die ganze Zeit geschlafen. Ich habe die meiste Zeit im Flugzeug Filme angeschaut, am Tablet gespielt und geschlafen. Im Flugzeug gab es ein Mittagessen, es war sehr lecker, aber der Nachtisch war zu süß und die Limonade zu sauer. Mein Bruder hatte ein veganes Essen bestellt, aber es hat ihm nicht geschmeckt.

15. Chuyến đi ở Mỹ

Ngày khởi hành du lịch đã bắt đầu rất sớm. Chúng tôi đã thức dậy lúc 4h. Tôi đã phải đặt báo thức. Ông của chúng tôi đã đón chúng tôi và đưa chúng tôi đến sân bay. Sau 10 phút đi, chúng tôi đã phải quay lại 1 lần nữa, bởi vì anh trai tôi đã quên hộ chiếu. Mẹ tôi đã rất bực bội, nhưng may mắn chúng tôi vẫn chưa ở sân bay. Chúng tôi đã đến sân bay đúng giờ. Chúng tôi đã làm thủ tục và ký gửi hành lý. Sau đó chúng tôi đã phải xếp hàng dài, để đi qua khu vực an ninh. Chúng tôi đã tìm thấy cổng đi rất nhanh, và chúng tôi đã phải đợi 45 phút tại khu vực chờ lên máy bay. Trong máy bay tôi đã ngồi giữa 2 anh chị tôi. Bố tôi sợ máy bay nên ông ấy đã uống thuốc và ngủ toàn thời gian. Hầu hết thời gian tôi đã xem một bộ phim, chơi máy tính bảng và ngủ. Trong máy bay có bữa ăn trưa, nó rất ngon, nhưng món tráng miệng thì quá ngọt, còn ly nước ép chanh thì quá đắng. Anh tôi đã đặt đồ ăn chay, nhưng anh ấy không thích mùi vị của nó.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



16. Die Ankunft in den USA

Wir sind, wie erwartet, nach 14 Stunden in New York zur geplanten Zeit um 16 Uhr gelandet. Es war stark bewölkt und es hat stark geregnet. Wir haben ein Taxi ins Hotel genommen. Es war eine lange Fahrt, weil wir lange im Stau stehen mussten. Wir kamen erst um 19 Uhr im Hotel an. Das Hotel war klein, aber sauber und gemütlich. Ich habe mir ein Zimmer mit meinen Geschwistern geteilt. Unser Zimmer war sehr hell, und man hatte einen guten Ausblick auf die Stadt. Meine Eltern hatten nur einen Ausblick auf die nächste Hotelmauer, deshalb war ihr Zimmer sehr dunkel. Nach dem Einchecken sind wir in das Hotelrestaurant gegangen. Ich war sehr hungrig und habe eine große Pizza bestellt. Meine Schwester und mein Bruder haben Burger mit Pommes gegessen und meine Eltern hatten beide ein Fischgericht. Nach dem Essen bin ich wieder ins Hotelzimmer gegangen, weil ich sehr müde war. Ich habe geduscht und noch ein bisschen fern geschaut. Ich war sehr müde, aber ich konnte nicht schlafen, weil ich einen Jetlag hatte!

16. Thời gian đến ở Mỹ

Chúng tôi đã hạ cánh lúc 16h ở Newyork sau 14 tiếng đồng hồ theo kế hoạch thời gian như mong đợi. Mây mù đã rất nhiều và trời thì mưa to. Chúng tôi đã bắt một chiếc taxi đến khách sạn. Nó đã là một chuyến đi dài, bởi vì chúng tôi đã bị kẹt xe. Chúng tôi đã đến khách sạn muộn vào lúc 19h. Khách sạn thì nhỏ, nhưng sạch sẽ và ấm cúng. Tôi đã chia phòng với anh chị của mình. Phòng chúng tôi thì rất sáng và có một hướng nhìn đẹp vào thành phố. Bố mẹ tôi chỉ có một hướng nhìn vào bức tường khách sạn kế bên, do đó phòng của họ thì rất tối. Sau khi làm thủ tục nhận phòng, chúng tôi đến nhà hàng của khách sạn. Tôi đã rất đói và đã đặt một cái pizza lớn. Chị và anh tôi đã ăn burger với khoai tây chiên, còn bố mẹ tôi thì ăn cá. Sau bữa ăn tôi về lại phòng, bởi vì tôi rất mệt. Tôi đi tắm và vẫn xem tivi một chút. Tôi đã rất mệt, nhưng tôi không thể ngủ, bởi vì tôi bị lệch múi giờ.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



17. Der erste Tag in den USA

Am ersten Tag sind wir um 7 Uhr aufgestanden. Frühstück hatten wir in einem Café gegenüber vom Hotel. Es gab ein typisches Amerikanisches Frühstück mit großen und sehr süßen Pfannkuchen. Zu trinken hatten meine Eltern und mein Bruder einen Kaffee. Meine Schwester und ich haben Orangensaft bestellt. Nach dem Frühstück sind wir mit der U-Bahn nach Manhattan gefahren. Wir haben den Grand Central Terminal, den Time Square und das Rockefeller Center besucht. In Manhattan war es sehr laut und etwas dreckig. Aber insgesamt fand ich den Stadtteil sehr schön. Die meisten bekannten Sehenswürdigkeiten waren mit Touristen überfüllt. Am Abend waren wir im Central Park spazieren. Es war ein sonniger Tag. Der perfekte Tag für ein Picknick. An einem Imbiss haben wir uns Hotdogs mitgenommen. Die Hotdogs in Amerika haben viel mehr Käse als in Deutschland. Meine Geschwister und ich haben sie geliebt. Für meine Eltern war es zu viel Käse. Nach dem Ausflug im Park sind wir in das Museum von Natural History gegangen. Als wir im Hotel ankamen war es schon dunkel und meine Füße haben mir vom vielen laufen wehgetan. Ich bin schnell ins Bett gegangen und sofort eingeschlafen. Es war ein perfekter erster Urlaubstag.

17. Ngày đầu tiên ở Mỹ

Chúng tôi đã thức dậy lúc 7h vào ngày đầu tiên. Chúng tôi đã có bữa sáng trong một quán cà phê đối diện khách sạn. Đó là một bữa ăn sáng điển hình của người Mỹ với bánh xèo lớn và rất ngọt. Bố mẹ và anh trai tôi đã uống 1 tách cà phê. Chị tôi và tôi đã đặt 1 ly nước ép cam. Sau bữa sáng chúng tôi đã đến Manhattan bằng tàu điện ngầm. Chúng tôi đã ghé thăm nhà ga trung tâm Grand, quảng trường thời đại và trung tâm Rockefeller. Ở Manhattan thì rất ồn và một vài thứ hơi bẩn. Nhưng nhìn chung tôi cảm thấy quận rất đẹp. Hầu hết các danh lam thắng cảnh nổi tiếng đã đầy khách du lịch. Vào buổi tối chúng tôi đã đi dạo trong công viên trung tâm. Đó là một ngày nắng đẹp. Ngày hoàn hảo cho một chuyến dã ngoại. Chúng tôi đã đem theo bánh mì kẹp xúc xích cho một bữa ăn nhẹ. Bánh mì kẹp xúc xích ở Mỹ thì nhiều phô mai hơn ở Đức. Anh chị và tôi đã rất yêu thích nó. Còn đối với bố mẹ tôi thì nó quá nhiều phô mai. Sau chuyến đi ở công viên, chúng tôi đã vào viện bảo tàng lịch sử tự nhiên. Khi chúng tôi về lại khách sạn thì trời tối rồi, và chân tôi bị đau bởi đi quá nhiều. Tôi lên giường nhanh và ngủ ngay sau đó. Đó đã là một ngày du lịch đầu tiên thật hoàn hảo.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



18. Die Autofahrt durch die USA

Unsere Zeit in New York war zu Ende. Meine Eltern haben den Leihwagen abgeholt. Wir haben die Tour gleich früh am Morgen gestartet. Wir sind durch viele Städte gefahren. Eine davon war die amerikanische Hauptstadt Washington DC. Mein Vater musste ungefähr 16 Stunden fahren. Wir haben einige bekannte Orte für Touristen besucht und einen Nationalpark. Der Great Smoky Mountain National Park war wunderschön, aber auch ein großes Abenteuer! Zuerst haben wir uns verloren, weil das Navi keinen Empfang mehr hatte. Mein Vater musste andere Menschen im Nationalpark nach dem Weg fragen. Wir sind einige Male im Kreis gefahren, weil im Nationalpark alles gleich aussieht. Anschließend haben wir auf der steinigen Straße noch einen Platten bekommen. Zum Glück gab es im Auto einen Ersatzreifen. Mein Vater und mein Bruder haben ihn schnell gewechselt, und mein Bruder war sehr stolz, dass er das Auto reparieren konnte. Die Autofahrten im Nationalpark sind sehr lang, weil der Park sehr groß ist. Kurz vor der Ankunft mussten wir noch tanken. Neben der Tankstelle gab es ein typisches amerikanisches Burger Restaurant. Wir haben für jeden einen Burger geholt und sie im Auto während der Fahrt gegessen. Wir sind kurz vor dem Einbruch der Dunkelheit in unserer Berghütte angekommen.

18. Chuyển đi ô tô xuyên suốt nước Mỹ

Thời gian của chúng tôi ở Newyork đã kết thúc. Bố mẹ tôi đã đón lấy chiếc xe thuê. Chúng tôi đã bắt đầu chuyến đi ngay từ sáng sớm. Chúng tôi đã đi qua nhiều thành phố. Một trong số đó là thủ đô của Mỹ Washington DC. Bố tôi đã phải lái xe khoảng 16 tiếng đồng hồ. Chúng tôi đã ghé thăm một vài nơi nổi tiếng cho khách du lịch và một công viên quốc gia. Công viên quốc gia Great Smoky Mountain thì rất đẹp, nhưng cũng là một chuyến thám hiểm lớn! Đầu tiên chúng tôi đã bị lạc, bởi vì hệ thống định vị đã không hoạt động. Bố tôi đã phải hỏi đường từ những người khác trong công viên quốc gia. Chúng tôi đã đi vòng vòng vài lần, vì tất cả mọi thứ thì trông giống nhau trong công viên quốc gia. Cuối cùng chúng tôi đã bị xẹp lốp trên con đường dốc. Thật may mắn là vẫn có lốp xe thay thế trong xe hơi. Bố và anh trai tôi đã thay nó nhanh chóng, và anh tôi đã rất tự hào rằng anh ấy có thể sửa xe hơi. Việc lái xe hơi trong công viên quốc gia thì rất lâu, vì công viên rất lớn. Chúng tôi vẫn phải chờ một chút trước khi đến. Kế bên trạm xăng có một nhà hàng Burger đặc trưng của người Mỹ. Chúng tôi đã lấy cho mỗi người 1 cái burger và ăn nó trong xe trong suốt chuyến đi. Chúng tôi đã đến kịp cái lều trên núi của mình trước khi trời tối muộn.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



19. Meine amerikanischen Freunde

In Miami habe ich ein amerikanisches Mädchen kennengelernt. Ihr Name war Hannah. Sie war auch im Urlaub mit ihrer Familie. Ihr Zimmer im Hotel war in derselben Etage, wie unser Zimmer. Wir haben viel Zeit zusammen verbracht. Wir haben Sandburgen gebaut und nach Muscheln im Sand gesucht. In einer Nacht sind wir zum "Feuer am Strand" gegangen. Wir haben viel getanzt, gelacht und nette Jungs kennengelernt. Sie hat mir ihre Freunde aus Miami vorgestellt. Einer von ihnen, namens Peter, war ein Surfer. Er hat uns gesagt, dass er uns zeigen kann, wie das geht. Am nächsten Strand Tag hat Peter uns, und meinem Bruder, gezeigt wie man surft. Es war schrecklich und sehr anstrengend. Ich bin ständig ins Wasser gefallen. Ich hatte immer Wasser in der Nase, in den Augen und in den Ohren. Hannah war gut. Aber mein Bruder war viel besser. Er konnte nach wenigen Minuten auf kleinen Wellen alleine Surfen!

19. Những người bạn Mỹ của tôi

Tôi đã quen biết một cô gái Mỹ ở Miami. Tên cô ấy là Hannah. Cô ấy cũng đang ở trong kỳ nghỉ với gia đình cô ấy. Phòng khách sạn của cô ấy thì ở cùng tầng với chúng tôi. Chúng tôi đã dành nhiều thời gian cùng nhau. Chúng tôi đã xây núi cát và tìm vỏ sò trong cát. Vào một đêm khuya chúng tôi đã đi „đốt lửa trên bãi biển“. Chúng tôi đã nhảy rất nhiều, cười đùa và quen biết nhiều chàng trai dễ thương. Cô ấy đã giới thiệu những người bạn từ Miami của cô ấy cho tôi. Một trong số họ, tên là Peter, là một người lướt sóng. Anh ấy đã nói với chúng tôi, rằng anh ấy có thể cho chúng tôi thấy làm thế nào để lướt sóng. Vào ngày kế tiếp trên bãi biển, Peter đã chỉ cho chúng tôi và anh trai của tôi, làm thế nào có thể lướt sóng được. Nó đã rất kinh khủng và rất mệt mỏi. Tôi toàn rơi xuống nước. Tôi luôn bị nước vào mũi, vào mắt và vào tai. Hannah thì lướt rất giỏi. Nhưng anh trai tôi thì tốt hơn nhiều. Anh ấy đã có thể lướt trên các con sóng nhỏ một mình sau vài phút.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



20. Zurück zu Hause

Die Rückreise war anstrengend. Auf dem Weg zum Flughafen mussten wir im Stau stehen. Es gab einen kleinen Unfall. Mein Herz hat die ganze Zeit gerast. Ich habe gedacht, wir werden den Flug verpassen. Wir kamen zu spät am Flughafen an, aber unser Flug war verspätet, daher haben wir den Flug nicht verpasst. Es gab keine Direktflüge. Wir mussten in Paris umsteigen, aber durch die Verspätung haben wir den Anschluss Flug nach Paris verpasst. Wir mussten lange auf den nächsten Flieger warten. Wir sind um Mitternacht zu Hause angekommen. Ich war sehr müde, und mein Bruder hat mir geholfen mein Gepäck zu tragen. Eigentlich wollte unser Großvater uns abholen, aber weil es schon spät war, haben meine Eltern entschieden ein Taxi zu nehmen. Wir hatten kein Glück bei der Rückreise, aber der Urlaub war großartig. Am nächsten Tag kamen unsere Großeltern, um uns unsere Haustiere wiederzugeben. Beim Mittagessen habe ich ihnen alles erzählt, was ich erlebt habe.

20. Quay về nhà

Chuyến đi về nhà đã rất mệt mỏi. Trên đường đến sân bay chúng tôi đã bị kẹt xe. Có một tai nạn nhỏ trên đường. Tim tôi đã đập mạnh hầu hết thời gian. Tôi đã nghĩ chúng tôi sẽ bị lỡ chuyến bay. Chúng tôi đã đến sân bay trễ, nhưng chuyến bay của chúng tôi cũng đã bị trễ, do đó chúng tôi không bị lỡ chuyến bay. Không có chuyến bay thẳng nào cả. Chúng tôi phải quá cảnh ở Paris, nhưng vì việc trễ nãi, chúng tôi sẽ bị lỡ chuyến bay chuyển tiếp đến Paris. Chúng tôi đã phải đợi chuyến bay kế tiếp rất lâu. Chúng tôi đã về đến nhà vào nửa đêm. Tôi đã rất mệt, và anh trai đã giúp tôi mang hành lý. Thật ra ông tôi muốn đón chúng tôi, nhưng bởi vì đã trễ rồi, nên bố mẹ tôi đã quyết định đón taxi. Chúng tôi đã không có may mắn trong chuyến đi quay về, nhưng chuyến du lịch đã rất tuyệt vời. Vào ngày kế tiếp, chúng tôi đã đến chỗ ông bà để nhận lại thú cưng của mình. Tại bữa ăn trưa tôi đã kể cho họ tất cả mọi thứ mà tôi đã trải qua.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



21. Was ich werden will, wenn ich erwachsen bin!

In 10 Jahren werde ich zur Universität gehen. Ich werde Medizin studieren, ich will Ärztin werden, genau wie meine Mutter. Ich werde eine Universität in der Nähe meiner Stadt besuchen, und ich werde sehr gute Noten haben. Ich werde jeden Tag das Fahrrad nehmen. Ich werde sicher viele neue Freunde finden. Ich werde sehr beschäftigt sein, aber ich will versuchen, meine Eltern jedes Wochenende zum Essen zu besuchen. Ich will auch einige Monate im Ausland studieren, um neue Sprachen zu lernen, um Freunde auf der ganzen Welt zu finden und um viel über andere Länder und andere Kulturen zu lernen. Ich will auch Gitarre spielen lernen und oft mit meinen Freunden Sport machen. Ich will auch Zeichnen lernen und meine Bilder im Internet mit anderen teilen. Kunst hilft mir immer, um mich nach einem langen Tag zu entspannen.

21. Điều tôi muốn trở thành khi lớn lên

Tôi muốn học đại học trong 10 năm nữa. Tôi muốn học ngành bác sĩ, tôi muốn trở thành bác sĩ, giống như mẹ tôi vậy. Tôi sẽ học tại một trường đại học gần thành phố của mình, và tôi sẽ có bảng điểm tốt. Tôi sẽ lái xe đạp mỗi ngày. Chắc chắn tôi sẽ tìm thấy nhiều người bạn mới. Tôi sẽ rất bận rộn, nhưng tôi muốn cố gắng để ghé thăm, và cùng ăn với ba mẹ tôi vào mỗi cuối tuần. Tôi cũng muốn học một vài tháng ở nước ngoài, để học một ngôn ngữ mới, để tìm những người bạn trên khắp thế giới và để học nhiều thứ về những đất nước khác và những nền văn hóa khác. Tôi cũng muốn học chơi ghi ta và thường chơi thể thao cùng những người bạn của mình. Tôi cũng muốn học vẽ và chia sẻ những bức tranh của mình với những người khác trên internet. Nghệ thuật luôn giúp tôi thư giãn sau một ngày dài.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



22. Unsere Welt wird im Jahr 2060 nicht dieselbe sein.

Mein Lehrer hat mich gefragt, wie ich mir die Welt im Jahr 2060 vorstelle. Sicher wird die Technologie besser sein. Wir werden Roboter haben, die uns zu Hause und bei der Arbeit jeden Tag helfen werden. Es wird viel einfacher werden, mit der Technik Fremdsprachen zu verstehen. Wir werden länger leben, und wir werden weniger Krankheiten haben. Die Umweltverschmutzung wird abnehmen und viele Länder werden zusammenarbeiten, damit der Klimawandel aufgehalten werden kann. Es wird nur noch elektrische Autos geben, aber die Leute werden es bevorzugen mit dem Zug, Bus oder Fahrrad zu fahren. Es wird bestimmt die ersten Menschen geben, die auf dem Mond leben werden. Als Tourist in den Weltraum zu fliegen, wird etwas ganz Normales sein. Wir werden in Frieden leben. Die reichen Staaten werden die Armen unterstützen, damit sie ihre Probleme lösen können. Es wird keinen Hunger mehr auf der Welt geben.

22. Thế giới của chúng ta sẽ không giống như vậy vào năm 2060

Giáo viên của tôi đã hỏi tôi rằng, tôi tưởng tượng thế nào vào năm 2060. Chắc chắn nền công nghệ sẽ tốt hơn. Chúng ta sẽ có nhiều robot, mà chúng sẽ có thể giúp đỡ chúng ta tại nhà và tại nơi làm việc mỗi ngày. Việc hiểu ngoại ngữ với công nghệ sẽ trở nên dễ dàng hơn nhiều. Chúng ta sẽ sống lâu hơn, và chúng ta sẽ ít bị bệnh hơn. Ô nhiễm môi trường sẽ giảm và nhiều đất nước sẽ hợp tác cùng nhau, vì vậy sự biến đổi khí hậu có thể được ngăn chặn. Sẽ chỉ có ô tô điện, nhưng mọi người sẽ thích đi tàu, xe buýt hoặc xe đạp hơn. Chắc chắn sẽ có những người đầu tiên sống trên mặt trăng. Bay vào vũ trụ với tư cách là một khách du lịch sẽ là một điều gì đó hoàn toàn bình thường. Chúng ta sẽ sống trong sự hòa bình. Những quốc gia giàu có sẽ hỗ trợ những nước nghèo, vì vậy họ có thể giải quyết những vấn đề của chính họ. Sẽ không còn nghèo đói trên thế giới nữa.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



23. Neujahrsvorsätze

Meine Eltern machen jedes Jahr eine Liste mit Neujahrsvorsätzen. Ich werde dieses Jahr auch eine machen. Ich will lernen, wie man Violine spielt. Ich werde meinen Bruder bitten, mir zu helfen. Er kann nämlich sehr gut Violine spielen. Ich habe mir vorgenommen, eine Stunde in der Woche zu üben. Ich will mehr Sport machen. Ich will den 1000m Lauf trainieren und mich beim Schulwettbewerb anmelden. Jeden Tag nach der Schule will ich zum Sportplatz gehen, um meine Freunde zu treffen. Wir können dann Seilspringen oder Volleyball spielen. Ich will mich weniger zum Filme-schauen und Videospiele spielen treffen. Ich möchte lernen vor Menschen zu sprechen, ich bin immer sehr nervös, wenn ich eine Präsentation in der Schule halten muss. Ich will weniger Geld für Kleidung ausgeben und ein bisschen mehr Geld sparen. Ich will mehr für Chemie lernen. Meine Note war letztes Jahr nicht gut. Ich habe nur knapp bestanden. Nächstes Jahr will ich eine gute Note bekommen. Am allerwichtigsten ist es mir, dass ich mich weniger mit meinen Eltern streiten werde!

23. Kế hoạch năm mới

Vào mỗi năm bố mẹ tôi thường làm một danh sách với những kế hoạch cho năm mới. Năm nay tôi cũng sẽ làm một cái. Tôi muốn học làm thế nào để chơi được violon. Tôi sẽ yêu cầu anh tôi giúp. Cụ thể là anh ấy có thể chơi violon rất giỏi. Tôi đã dự định để thực hành 1 tiếng đồng hồ mỗi tuần. Tôi muốn tập thể thao nhiều hơn. Tôi muốn thực hành chạy bộ 1000 mét và đăng ký vào cuộc thi của trường. Mỗi ngày sau khi tan học, tôi muốn đến nơi tập thể dục để gặp gỡ bạn bè của mình. Sau đó chúng tôi có thể chơi nhảy dây hoặc bóng chày. Tôi muốn xem phim và chơi điện tử ít hơn. Tôi muốn học để nói chuyện trước mọi người, tôi luôn rất hồi hộp khi tôi phải làm bài thuyết trình trong trường. Tôi muốn chi tiêu tiền cho quần áo ít hơn và tiết kiệm một ít tiền hơn trước. Tôi muốn học môn hóa nhiều hơn. Điểm học của tôi không được tốt vào năm ngoái. Tôi chỉ đủ điểm đậu mà thôi. Vào năm tới tôi muốn có điểm tốt. Điều quan trọng sau tất cả cho tôi đó là, tôi sẽ ít cãi nhau với bố mẹ của mình hơn!

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com

www.german-key.com

Sophie Tran



24. Der Tag vor meinem ersten Arbeitstag

Morgen werde ich meinen ersten Arbeitstag haben. Es wird eine Teilzeitstelle, weil ich immer noch zur Universität gehe. Ich habe eine Stelle in einer Tierhandlung, sitze in einem Büro mit einem großen Team und berate die Kunden am Telefon. Ich bin mir sicher, dass es wichtig ist gut auszusehen. Ich werde mir schon heute für morgen die Kleidung vorbereiten. Ich werde einen Businesslook wählen mit einer schönen Stoffhose, einer Bluse und einem Blazer. Ich werde morgen kein Essen mitnehmen, denn ich werde mit dem Team in der Kantine essen. Ich werde heute früh ins Bett gehen, weil ich morgen früh aufstehen muss. Den Wecker stelle ich auf 6:00 Uhr. Um 7 Uhr muss ich das Haus verlassen, denn die Fahrt zum Büro dauert eine Stunde. Einer von meinen neuen Kollegen wird mir als erstes das Büro zeigen und mir am Anfang bei allen Fragen helfen. In der ersten Woche bekomme ich eine Schulung, in der mir alles Wichtige über die Produkte erzählt wird. Ich werde heute bis 18:00 Uhr in der Firma bleiben und danach direkt ins Fitnessstudio fahren. Wenn ich mich beeile, dann schaffe ich es noch zum gemeinsamen Abendessen mit meinen Eltern.

24. Vào cái ngày trước ngày làm việc đầu tiên của tôi

Ngày mai tôi sẽ có ngày làm việc đầu tiên. Nó sẽ là một vị trí công việc bán thời gian, vì tôi vẫn luôn bận rộn để đi học đại học. Tôi có một vị trí trong một cửa hàng thú cưng, ngồi trong văn phòng với một đội ngũ lớn và tư vấn khách hàng qua điện thoại. Tôi chắc chắn rằng điều quan trọng là phải trông thật đẹp. Hôm nay tôi sẽ chuẩn bị quần áo cho ngày mai. Tôi sẽ chọn 1 phong cách trang trọng với 1 quần tây đẹp, 1 áo blu trắng và 1 cái áo khoác. Ngày mai tôi sẽ không đem theo đồ ăn, bởi vì tôi sẽ ăn với đội nhóm trong căn tin. Hôm nay tôi sẽ đi ngủ sớm, vì tôi phải thức dậy sớm vào ngày mai. Tôi đặt báo thức lúc 6h. Vào lúc 7h tôi phải rời khỏi nhà, vì chuyển đi đến văn phòng mất 1 tiếng đồng hồ. Một trong những đồng nghiệp mới của tôi sẽ cho tôi xem văn phòng đầu tiên và giúp đỡ tất cả những thắc mắc lúc bắt đầu. Trong tuần đầu tiên tôi nhận một sự huấn luyện, trong đó được giải thích tất cả những thứ quan trọng về sản phẩm. Hôm nay đến 18h tôi sẽ ở tại công ty và sau đó sẽ đi trực tiếp đến phòng tập thể hình. Nếu tôi gấp, tôi sẽ đến ăn tối cùng bố mẹ của mình.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



25. Ich bekomme meinen Führerschein

Morgen muss ich die Fahrprüfung machen, um meinen Führerschein zu bekommen. Ich denke, der Tag wird so ablaufen. Ich werde um 7:00 Uhr aufstehen, ich werde ein Bad nehmen und mit meiner Familie Frühstück. Ich werde das Haus um 8:00 Uhr verlassen. Ich will rechtzeitig ankommen. Am besten eine halbe Stunde früher. Meine Prüfung fängt um 9:00 Uhr an. Ich hoffe ich werde ruhig und entspannt sein. Jetzt bin ich noch sehr aufgeregt. Ich hoffe, ich kann heute gut einschlafen, damit ich morgen früh nicht zu müde bin. Ich werde alle Anweisungen genau befolgen. Ich will keine Fehler machen und die Prüfung beim ersten Mal bestehen. Ich werde anhalten, wenn die Ampeln rot werden und warten, bis alle Fußgänger die Straße überquert haben. Wenn ich abbiege, dann darf ich nicht vergessen den Blinker einzuschalten. Die Prüfung wird um 9:30 Uhr zu Ende sein. Dann werde ich nach Hause fahren und hoffen, dass ich bestanden habe. Wenn ich endlich einen Führerschein bekomme, dann hat mein Vater mir versprochen, dass er mir sein Auto am Wochenende ausleihen wird. Als erstes werde ich einen kleinen Ausflug mit meinen Freunden machen.

25. Tôi nhận bằng lái xe

Ngày mai tôi phải thi lái xe để nhận bằng lái. Tôi nghĩ, ngày này sẽ trôi qua rất nhanh. Tôi sẽ thức dậy vào lúc 7h, tôi sẽ tắm và ăn sáng với gia đình. Tôi sẽ rời nhà vào lúc 8h. Tôi muốn đến nơi đúng giờ. Tốt nhất là sớm hơn nửa tiếng. Bài kiểm tra của tôi bắt đầu vào lúc 9h. Tôi hy vọng, tôi sẽ bình tĩnh và thư giãn. Bây giờ tôi vẫn rất hồi hộp. Tôi hy vọng, hôm nay tôi có thể ngủ ngon, để tôi không bị mệt vào sáng mai. Tôi sẽ theo dõi chính xác tất cả hướng dẫn. Tôi không muốn gây ra lỗi và muốn đậu bài kiểm tra trong lần đầu tiên. Tôi sẽ ngừng khi đèn đỏ và đợi đến khi tất cả người đi bộ băng qua đường. Khi tôi quẹo xe thì tôi không được phép quên bật đèn xi nhan. Bài kiểm tra sẽ kết thúc vào lúc 9h30. Sau đó tôi sẽ về nhà và hy vọng rằng tôi sẽ đậu. Cuối cùng khi tôi nhận bằng lái, bố tôi đã hứa với tôi rằng vào cuối tuần ông ấy sẽ cho tôi mượn xe của ông ấy. Đầu tiên tôi sẽ làm một chuyến đi ngắn với những người bạn của mình.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



26. Wie werden unsere neuen Nachbarn sein?

Es werden neue Leute in das Haus auf der anderen Straßenseite einziehen. Sie werden schon bald einziehen, und wir werden sie kennenlernen. Ich habe sie schon einmal gesehen. Vielleicht sind sie sehr nett. Es ist eine Familie mit drei Personen. Mutter, Vater und ein Kind. Das Kind ist ein Mädchen in meinem Alter. Ich hoffe, dass wir gute Freundinnen werden. Wir können viele tolle Dinge zusammen machen. Wir können nach der Schule zusammen auf dem Spielplatz spielen und viel lachen. Wir können auch mit dem Fahrrad durch den Park, am Fluss, oder um den See fahren. Sie wird bestimmt auf meine Schule gehen, ich werde mit dem Direktor sprechen, damit sie in meine Klasse kommt. Meine Eltern werden sich mit den neuen Nachbarn bestimmt auch gut verstehen. Dann können wir auch zusammen grillen oder am See ein Picknick machen. Vielleicht mögen sie es, an warmen Tagen den Tag im Schwimmbad zu verbringen? Dann zeige ich ihnen, wo es die besten Pommes in der ganzen Stadt gibt. Ich hoffe, sie haben auch Haustiere. Wir haben einen Hund. Wenn sie auch einen Hund haben, dann können wir mit ihnen zusammen spazieren gehen. Es wäre mir aber lieber, wenn sie eine Katze haben.

26. Những hàng xóm mới của chúng tôi trông như thế nào?

Những người mới sẽ chuyển vào căn nhà ở phía bên đường. Họ sẽ chuyển vào ngay, và chúng tôi sẽ làm quen với họ. Tôi đã thấy họ một lần rồi. Có thể họ rất tử tế. Đó là một gia đình 3 người. Mẹ, bố và một đứa nhỏ. Đứa nhỏ là một bé gái ngang tuổi tôi. Tôi hy vọng rằng chúng tôi sẽ trở thành những người bạn tốt. Chúng tôi có thể làm nhiều thứ tuyệt vời cùng nhau. Chúng tôi có thể cùng chơi tại công viên trò chơi sau khi tan học và cười đùa nhiều cùng nhau. Chúng tôi cũng có thể chạy xe đạp xung quanh công viên, dòng sông hoặc hồ. Cô ấy chắc chắn sẽ đi học tại trường của tôi, tôi sẽ nói với hiệu trưởng, để cô ấy đến lớp tôi học. Bố mẹ tôi chắc chắn cũng sẽ hòa nhập tốt với những người hàng xóm mới. Sau đó chúng tôi cũng có thể nướng đồ ăn cùng nhau hoặc làm một chuyến dã ngoại tại biển. Có thể họ sẽ thích dành thời gian trong những ngày đẹp trời tại hồ bơi? Sau đó tôi sẽ chỉ cho họ thấy, khoai tây chiên ngon nhất trong thành phố nằm ở đâu. Tôi hy vọng họ cũng có thú cưng. Chúng tôi có 1 con chó. Nếu họ cũng có 1 con chó, chúng tôi có thể đi dạo với chúng cùng nhau. Tôi sẽ thích hơn nếu họ có 1 con mèo.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



27. Falls es nicht regnet, fahren wir in die Berge!

Am Wochenende wollen wir in die Berge fahren. Wir fahren zusammen mit unseren Freunden. Die Berge liegen außerhalb der Stadt und sind wunderschön. Es gibt da einen großen Fluss und einen Wasserfall. Am Wasserfall stehen immer viele Touristen und machen die ganze Zeit Bilder. Wir werden viel Wandern. Um den Berg herum gibt es viele Bänke, um sich auszuruhen, wenn man müde ist. Es gibt auch Grillplätze an denen es erlaubt ist, Feuer zu machen. Wir haben ein paar Würstchen mitgenommen. Wir werden sie abends über dem Feuer grillen. Unten am Berg ist es sehr grün, es gibt viele Blumen und Wiesen. Der Duft der Blumen ist überall. Es gibt sehr viele Schmetterlinge in allen Farben. Es sieht aus wie im Paradies. Die Wettervorhersage hat gesagt, dass es vielleicht regnen wird. Ich hoffe, es wird nicht regnen. Falls es regnet, dann können wir nicht wandern gehen. Dann gibt es sehr viel Matsch, und man kann sehr schnell ausrutschen. Das ist in den Bergen sehr gefährlich.

27. Nếu trời không mưa, chúng tôi sẽ đi lên núi!

Vào cuối tuần chúng tôi muốn đi lên núi. Chúng tôi sẽ cùng đi với những người bạn của mình. Ngọn núi nằm bên ngoài thành phố và rất tuyệt. Ở đó có một con sông lớn và một thác nước. Trong thác nước luôn có nhiều khách du lịch đứng ở đó và hầu hết thời gian họ đều chụp ảnh. Chúng tôi sẽ đi bộ đường dài rất nhiều. Xung quanh núi có rất nhiều băng ghế để thư giãn khi bạn mệt. Ở đó cũng có những khu được phép nướng đồ ăn. Chúng tôi đã đem theo một vài bánh mì kẹp xúc xích. Chúng tôi sẽ nướng chúng trên ngọn lửa vào buổi tối. Dưới núi thì rất xanh tươi, có nhiều hoa và đồng cỏ. Mùi hương của hoa khắp mọi nơi. Có rất nhiều bướm với nhiều màu sắc. Nó trông như thiên đường vậy. Dự báo thời tiết báo rằng có thể trời sẽ mưa. Tôi hy vọng trời sẽ không mưa. Nếu trời mưa chúng tôi không thể đi bộ đường dài được. Và sau đó sẽ có nhiều bùn, bạn có thể sẽ rất dễ bị trượt. Điều đó rất nguy hiểm ở trong núi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



28. Lernen für eine wichtige Prüfung

Nächste Woche habe ich eine wichtige Prüfung. Wenn ich die Prüfung bestehen will, dann muss ich viel lernen. Ich werde jetzt jeden Abend zwei Stunden lernen. Ich werde auch am Wochenende zwei Stunden mit meiner Freundin Mia lernen. Zu zweit macht es mehr Spaß, und wir können danach noch Kekse backen und Kakao trinken. Wir lernen für die Abschlussprüfung in Chemie. Mia ist richtig gut in diesem Fach, sie kann alles besser erklären als der Lehrer. Mir liegt das Fach überhaupt nicht, deshalb muss ich dafür viel lernen. Wir werden in ihrer Wohnung lernen. Ich werde meine Notizen und das Übungsbuch mitbringen. Falls wir mit dem Lernen früher fertig werden, dann werden wir noch einen Film auf Netflix schauen. Die nächste Woche habe ich viel zu tun. Ich muss eine Präsentation über Schmetterlinge im Fach Biologie vorbereiten. Ich bin wirklich gut in Biologie, deshalb schaffe ich es allein, weil ich zum Glück in der letzten Woche ganz viele Schmetterlinge in den Bergen fotografiert habe.

28. Việc học cho bài kiểm tra quan trọng

Vào tuần tới tôi có một bài kiểm tra quan trọng. Nếu tôi muốn đậu bài kiểm tra, tôi phải học nhiều. Bây giờ tôi sẽ học 2 tiếng đồng hồ mỗi tối. Tôi cũng sẽ học 2 tiếng với bạn gái của tôi Mia vào cuối tuần. Học 2 người thì vui hơn nhiều, và chúng tôi vẫn có thể nướng bánh quy và uống ca cao sau đó. Chúng tôi học bài kiểm tra cuối kỳ môn hóa. Mia rất giỏi trong môn này, cô ấy có thể giải thích tất cả mọi thứ tốt hơn giáo viên nhiều. Môn này với tôi thì hoàn toàn dở tệ, do đó tôi phải học nhiều về nó. Nếu chúng tôi hoàn thành việc học sớm hơn, thì chúng tôi vẫn sẽ có thể xem một bộ phim trên Netflix. Vào tuần tới tôi có nhiều thứ để làm lắm. Tôi phải chuẩn bị cho một bài thuyết trình về những con bướm trong môn sinh học. Tôi thật sự giỏi trong môn sinh học, do đó tôi có thể làm nó tốt một mình được, bởi vì may mắn là tôi đã chụp nhiều ảnh về bướm ở trên núi vào tuần trước.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



29. Die Silberhochzeit meiner Eltern

Meine Eltern werden im nächsten Monat ihren 25sten Hochzeitstag feiern. Den nennt man in Deutschland „Silberhochzeit“. Mein Bruder, meine kleine Schwester und ich werden unserem Vater helfen, unsere Mutter zu überraschen. Wir werden eine kleine Party in unserem Garten feiern. Wir werden unsere ganze Familie einladen und alle guten Freunde. Dazu werden wir im Lieblings-restaurant meiner Mutter Essen bestellen und auch eine große Torte aus ihrer Lieblingsbäckerei. Ich werde den ganzen Garten schmücken und alle Einladungen verschicken. Mein Vater will Schmuck für meine Mutter kaufen. Ich werde mit ihm gehen, um ihn zu beraten. Meine kleine Schwester will für meine Eltern ein Bild malen, dafür hat sie sich extra neue Stifte gekauft. Mein Bruder will ein Video mit Erinnerungen vorbereiten, dass wir auf der Party zeigen werden. Ich will am Ende noch ein Lied singen und gleichzeitig auf meiner Gitarre spielen. Ich glaube nicht, dass meine Mutter das alles erwartet. Sie wird bestimmt sehr überrascht sein.

29. Đám cưới bạc của bố mẹ tôi

Bố mẹ tôi sẽ tổ chức kỷ niệm 25 năm ngày cưới vào tháng tới. Ở Đức bạn có thể gọi nó là „đám cưới bạc“. Anh tôi, em gái tôi và tôi sẽ giúp bố chúng tôi gây ngạc nhiên cho mẹ chúng tôi. Chúng tôi sẽ tổ chức một bữa tiệc nhỏ trong vườn của chúng tôi. Chúng tôi sẽ mời cả gia đình và tất cả bạn bè thân của chúng tôi. Thêm nữa chúng tôi sẽ đặt đồ ăn trong một nhà hàng yêu thích của mẹ tôi và cũng đặt một cái bánh kem lớn từ tiệm bánh yêu thích của bà ấy. Tôi sẽ trang trí cả khu vườn và gửi tất cả thư mời. Bố tôi muốn mua đồ trang sức cho mẹ tôi. Tôi sẽ cùng đi với ông ấy để tư vấn cho ông. Em gái tôi muốn vẽ một bức tranh cho bố mẹ tôi, do vậy cô ấy đã mua thêm những cây bút mới cho chính cô ấy. Anh tôi muốn chuẩn bị một clip với những kỷ niệm, và chúng tôi sẽ có thể chiếu tại bữa tiệc. Tôi vẫn muốn hát một bài hát lúc kết thúc và chơi ghita trong cùng thời điểm. Tôi không tin rằng mẹ tôi có thể tưởng tượng được tất cả những điều này. Bà ấy chắc chắn sẽ rất ngạc nhiên.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



30. Hochzeit in London

Meine Tante Emily will im nächsten Frühjahr heiraten. Die Hochzeit werden sie in einer kleinen, und neuen Kirche machen. Das ist für London ungewöhnlich, weil die meisten Kirchen hier sehr groß und sehr alt sind. Wir werden für die Feier nach London fahren. Meine Schwester und ich werden Brautjungfern sein. Wir werden hübsche rosa Kleider tragen, und meine Tante wird ein traumhaftes und traditionelles Hochzeitskleid in weiß tragen. Mein Vater wird meine Tante beim Gang in die Kirche begleiten, während der Rest der Familie bereits in der Kirche warten wird. Nach der Kirche wird immer in einem wunderschönen Restaurant gefeiert. Dann sind alle Tische weiß dekoriert und überall stehen Blumen. Es gibt immer ein sehr großes Buffet, aber ich freue mich am meisten auf die Hochzeitstorte. In der Regel wird die Hochzeitstorte spät abends, oder sogar erst um Mitternacht angeschnitten. Ich bin es nicht gewohnt so lange wach zu bleiben. Meine Eltern wollen, dass ich immer um 21:00 Uhr ins Bett gehe, doch während der Hochzeit werden sie mir erlauben solange wach zu bleiben, bis die Torte kommt.

30. Lễ cưới ở London

Cô của tôi Emily muốn kết hôn sớm vào năm tới. Cô ấy sẽ làm một lễ cưới trong một nhà thờ nhỏ và mới. Đó là điều bất thường đối với London, vì hầu hết nhà thờ ở đây đều rất lớn và rất cũ. Chúng tôi sẽ đến London cho việc tổ chức lễ cưới. Chị gái tôi và tôi sẽ là những phù dâu. Chúng tôi sẽ mặc váy màu hồng xinh đẹp, và cô tôi sẽ mặc một váy cưới trắng thơ mộng và truyền thống. Bố tôi sẽ đồng hành với cô của tôi theo lối vào nhà thờ, trong khi những người còn lại của gia đình sẽ đợi trong nhà thờ. Sau buổi lễ ở nhà thờ, một bữa tiệc được tổ chức trong một nhà hàng tuyệt đẹp. Sau đó tất cả các bàn tiệc đều được trang trí màu trắng và hoa được đặt khắp mọi nơi. Nó luôn là một tiệc buffet rất lớn, nhưng tôi trông đợi nhất là cái bánh cưới. Theo luật thì bánh cưới sẽ được cắt vào tối muộn, hoặc thậm chí muộn vào nửa đêm. Tôi không quen thức đêm. Bố mẹ tôi muốn rằng, tôi phải luôn ngủ lúc 21h, và trong suốt lễ cưới họ cho phép tôi được thức đến khi nào bánh cưới đến.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



31. Ein Tag im Einkaufszentrum

Ich bin gerade mit Mia auf dem Weg ins Einkaufszentrum. Mia will ein Geschenk für ihre Mutter kaufen, und ich will einfach nur ein bisschen bummeln. Wenn ich ein günstiges und schönes Kleid finde, dann werde ich es mir kaufen. Am meisten würde ich mich über ein blaues Kleid freuen, aber es muss auch im Angebot sein. Ich habe gerade nicht viel Geld. Mia kann viel Geld für das Geschenk ausgeben, weil ihr Vater ihr das Geld gegeben hat. Sie will einen Ring kaufen. Wenn wir schnell einen schönen Ring finden, dann will Mia noch nach einem Rock und nach neuen Schuhen schauen. Wir haben Glück und finden schnell einen schönen Ring. Danach laufen wir in die Damenbekleidung. Ich finde ein Kleid und Mia einen Rock. Schuhe will Mia nicht mehr kaufen, weil es schon zu spät ist. Wir gehen zur Kasse. Mia bezahlt mit der Karte und ich mit Bargeld. Das war ein erfolgreicher Tag. Wir sind mit unseren Sachen sehr zufrieden und beschließen noch ins Café zu gehen, um eine heiße Schokolade mit Caramel zu trinken. Vor der Fahrt nach Hause machen wir noch schöne Bilder von unseren neuen Sachen, um sie mit unseren Freunden zu teilen.

31. Một ngày trong trung tâm mua sắm

Tôi đang trên đường đến trung tâm mua sắm với Mia. Mia muốn mua một món quà cho mẹ cô ấy, và tôi chỉ đơn giản muốn đi dạo chơi một chút thôi. Nếu tôi tìm thấy một cái đầm rẻ và đẹp, thì tôi sẽ mua nó. Hơn hết tôi mong đợi về một cái đầm màu xanh, nhưng nó cũng phải đang khuyến mãi mới được. Tôi hiện tại không có nhiều tiền. Mia có thể chi nhiều tiền cho món quà, bởi vì bố cô ấy đã đưa tiền cho cô ấy. Cô ấy muốn mua một cái nhẫn. Nếu chúng tôi có thể tìm thấy một cái nhẫn đẹp thật nhanh, thì Mia sẽ vẫn muốn xem một cái váy và một đôi giày mới. Chúng tôi thật may mắn và đã tìm thấy một cái nhẫn đẹp. Sau đó chúng tôi đi bộ trong khu vực bán quần áo nữ. Tôi tìm thấy một cái đầm và Mia thì tìm thấy một cái váy. Mia không muốn mua giày nữa, vì đã muộn rồi. Chúng tôi đến quầy thanh toán. Mia trả bằng thẻ, còn tôi trả tiền mặt. Đó đã là một ngày thành công. Chúng tôi rất hài lòng với những thứ của mình và vẫn quyết định đi vào một quán cà phê để uống một ly sô cô la nóng với caramen. Trước khi đi về nhà, chúng tôi vẫn muốn chụp những bức ảnh về những đồ đạc mới của mình, để chia sẻ chúng với những người bạn của chúng tôi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



32. Ein sehr anstrengendes Wochenende

Ich habe ein sehr anstrengendes Wochenende vor mir. Ich werde am Samstag früh aufstehen müssen. Ich muss wieder eine Hausaufgabe vorbereiten. Wir sollen einen kleinen Aufsatz schreiben über den Beruf, den wir in der Zukunft machen wollen. Ich bin mir noch nicht sicher, was ich machen will. Vielleicht werde ich Krankenschwester, weil man dann vielen Menschen helfen kann. Ich habe den halben Tag für die Hausaufgabe eingeplant. Eine Stunde würde auch reichen, aber ich will eine sehr gute Note bekommen und werde mir deswegen mehr Zeit nehmen. Mittags werde ich mein Zimmer aufräumen und Staubsaugen. Danach helfe ich meiner Mutter mit der Wäsche, weil ich es ihr versprochen habe. Abends will ich mit meinen Freunden ins Kino, das ist mir sehr wichtig, weil ich dieses Jahr noch nicht im Kino war. Ich darf dieses Mal ganz alleine den Film aussuchen. Ich werde mir auch eine Tüte Popcorn holen und eine Cola mit vielen Eiswürfeln! Sonntag will ich den ganzen Tag Englisch lernen, aber das ist kein Problem, weil ich Sprachen liebe. Zuerst werde ich einfach einige englische Vokabeln lernen und danach ein englisches Buch lesen. Nach dem Mittagessen werde ich mir Serien auf Englisch anschauen, und abends werde ich Musik hören und ein bisschen auf Englisch singen. In der Zukunft will ich unbedingt Spanisch lernen, weil es so gut klingt!

32. Một cuối tuần bận rộn

Tôi sẽ có một cuối tuần rất bận rộn phía trước. Tôi sẽ phải thức dậy sớm vào thứ bảy. Tôi phải chuẩn bị lại bài tập về nhà. Chúng tôi cần viết một bài văn nhỏ về công việc mà chúng tôi muốn làm trong tương lai. Tôi vẫn chưa chắc chắn về những gì tôi muốn làm. Có thể tôi sẽ trở thành điều dưỡng viên, bởi vì có thể giúp đỡ nhiều người sau đó. Tôi đã lên kế hoạch về bài tập về nhà hết nửa ngày. Một tiếng đồng hồ cũng đã trôi qua, nhưng tôi muốn có điểm cao và do đó tôi dành nhiều thời gian hơn. Vào buổi trưa tôi sẽ dọn dẹp phòng của mình và hút bụi. Sau đó tôi giúp đỡ mẹ mình giặt quần áo, bởi vì tôi đã hứa điều đó với cô ấy. Vào buổi tối tôi muốn đến rạp chiếu phim với bạn, điều đó rất quan trọng với tôi, bởi vì năm nay tôi vẫn chưa đến rạp chiếu phim lần nào cả. Tôi được phép tự chọn bộ phim vào lần này. Tôi cũng sẽ lấy cho mình một túi bắp rang và một ly coca với nhiều đá! Vào chủ nhật tôi muốn học tiếng Anh cả ngày, nhưng không sao, bởi vì tôi yêu thích ngoại ngữ. Đầu tiên tôi sẽ học một vài từ vựng đơn giản và sau đó đọc một quyển sách tiếng Anh. Sau bữa ăn trưa tôi sẽ xem một bộ phim bằng tiếng Anh, và mỗi buổi tối tôi sẽ nghe nhạc và hát một chút bằng tiếng Anh. Trong tương lai chắc chắn tôi muốn học tiếng Tây Ban Nha, bởi vì nó có vẻ rất tốt!

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



33. Ein Tag für die Erde

Am Freitag werde ich nicht zur Schule gehen. Ich werde einen Tag gegen den Klimawandel demonstrieren. Meine Freunde und ich werden auch einige Plakate basteln und diese beschriften. Sie werden groß und sehr bunt sein, damit sie jeder sehen kann. Fast alle Schüler aus meiner Klasse werden mitkommen. Wir werden uns, wie immer, in der Schule treffen, und dann fahren wir mit der Bahn zum Rathaus. Wenn alles nach Plan läuft, dann werden wir ungefähr um 9:00 Uhr ankommen und bis 15:00 Uhr bleiben. Meine Eltern sind nicht sauer, weil ich einen Tag in der Schule fehlen werde. Sie wissen auch, dass Klimaschutz wichtig ist. Aber sie betonen, dass Schule auch sehr wichtig ist! Wir fahren jedes Jahr, bevor die Sommerferien anfangen, zum Strand, um Plastikmüll zu sammeln. Dieser ist sehr gefährlich für viele Tiere. In der Zukunft will ich noch mehr unternehmen, um die Erde ein bisschen besser zu machen. Ich finde, dass alle Menschen mehr Verantwortung für eine saubere Umwelt übernehmen müssen. Wir haben nur einen Planeten.

33. Một ngày cho trái đất

Vào thứ sáu tôi sẽ không đi học. Tôi sẽ biểu tình chống biến đổi khí hậu trong một ngày. Bạn tôi và tôi cũng sẽ làm một vài tấm áp phích và dán nhãn cho chúng. Chúng sẽ là những tấm áp phích lớn và màu sắc, để mọi người có thể thấy chúng. Hầu hết tất cả các học sinh từ lớp học của tôi sẽ đi cùng. Theo thường lệ chúng tôi sẽ gặp gỡ nhau trong trường học, và sau đó chúng tôi sẽ đi đến tòa thị chính bằng tàu. Nếu tất cả mọi thứ diễn ra theo kế hoạch, thì chúng tôi sẽ đến nơi khoảng 9h và ở đó tới 15h. Bố mẹ tôi không giận khi tôi lỡ mất một ngày tại trường học. Họ cũng biết rằng bảo vệ môi trường thì rất quan trọng. Nhưng họ nhấn mạnh rằng trường học cũng rất quan trọng! Chúng tôi đi mỗi năm trước khi kỳ nghỉ hè bắt đầu, đến bãi biển để nhặt rác nhựa thải. Cái này thì rất nguy hiểm cho nhiều động vật. Trong tương lai tôi vẫn muốn làm nhiều thứ hơn để làm cho trái đất tốt hơn. Tôi cảm thấy rằng tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm để làm môi trường sạch. Chúng ta chỉ có một hành tinh mà thôi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



34. Auf der Post in Miami

Heute werde ich meinen Großeltern eine Postkarte schicken, dafür muss ich mit meinem Vater zur Post fahren. Meine Mutter wird mit meinen Geschwistern am Strand auf uns warten. Wir haben schon gestern einige schöne Postkarten am Strand gekauft, und jetzt brauchen wir nur noch Briefmarken. Die Post zu finden ist ganz leicht, wir haben eine kleine Touristenkarte, auf der die Post eingezeichnet ist. Sie ist nur 10min zu Fuß von unserem Hotel entfernt. Ich habe drei Postkarten. Eine ist für meine Großeltern, eine ist für meine Tante Emily und eine bekommt mein Onkel Eddy. Ich werde eine schöne Postkarte schreiben, und ihnen von meinem Urlaub erzählen und was ich alles erlebt habe. Mein Vater hat gesagt, ich soll ihnen aber nicht schreiben, dass wir uns im Nationalpark verirrt haben. Meine Großeltern freuen sich am meisten über Postkarten. Sie kleben immer alle auf den Kühlschrank und nehmen nie welche ab. Das ist super, weil ich bei ihnen immer sehen kann, wo ich schon überall war!

34. Tại bưu điện ở Miami

Hôm nay tôi sẽ gửi một cái bưu thiếp cho ông bà của mình, tôi phải đi đến bưu điện với bố của tôi cho việc đó. Mẹ tôi sẽ đợi chúng tôi tại bãi biển với anh chị tôi. Hôm qua chúng tôi đã mua một vài bưu thiếp đẹp tại bãi biển rồi, và bây giờ chúng tôi vẫn chỉ cần tem nữa thôi. Để tìm bưu điện thì hầu như rất đơn giản, chúng tôi có một bản đồ du lịch nhỏ, mà bưu điện được đánh dấu trên đó. Nó chỉ mất 10 phút đi bộ từ khách sạn của chúng tôi. Tôi có ba bưu phẩm. Một cho ông bà tôi, một cho cô tôi là Emily và một cho chú tôi là Eddy. Tôi sẽ viết một bưu phẩm đẹp, và kể cho họ nghe về chuyến du lịch của mình, và những gì tôi đã trải qua. Bố tôi đã nói rằng tôi không nên viết cho họ, rằng chúng tôi đã bị lạc trong công viên quốc gia. Ông bà tôi trông đợi nhất là bưu phẩm. Họ luôn dán tất cả chúng lên tủ lạnh và chưa từng bỏ cái nào cả. Điều đó thật tuyệt, bởi vì ở chỗ họ tôi luôn có thể thấy những nơi mà tôi đã đi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



35. Grüße aus Miami

Hallo Oma und Opa! Wie geht es euch?

Wir haben eine großartige Zeit in den USA. Unser Hotel ist sehr schön, sehr groß und direkt am Meer. Es hat zwei große Pools und ein großes Restaurant. In dem Restaurant essen wir jeden Morgen Frühstück. Ich esse immer drei große Pfannkuchen mit Schokolade und Bananen. In Miami ist es immer sehr warm und sonnig. Das ist super, weil ich jeden Tag am Pool oder am Strand verbringen kann. Der Strand ist wunderschön, und ich habe schon einige Muscheln gefunden. Ich werde sie mitbringen und sie euch zeigen. Sie sehen anders aus, als die Muscheln in Deutschland. Die Leute sind sehr nett hier, aber ich kann sie nicht sehr gut verstehen, weil mein Englisch noch nicht so gut ist. Das ist kein Problem, weil Papa mir immer hilft. Ich habe schon viele neue Wörter kennengelernt. Wie geht es unseren Haustieren? Vermissen sie uns schon? Ich vermisse sie nämlich sehr!

Schöne Grüße und bis bald Emma

35. Lời chào từ Miami

Chào bà và ông! Mọi người khỏe không ạ?

Chúng con có một khoảng thời gian tuyệt vời ở Mỹ. Khách sạn của chúng con rất đẹp, rất lớn và trực tiếp ở biển. Có 2 hồ bơi lớn và 1 nhà hàng lớn ở đây. Chúng con ăn bữa sáng vào mỗi buổi sáng tại nhà hàng. Con luôn ăn 3 cái bánh xèo lớn với sô cô la và chuối. Ở Miami thì luôn rất ấm áp và đầy nắng. Điều đó thật tuyệt, bởi vì con có thể dành thời gian mỗi ngày tại hồ bơi hoặc bãi biển. Bãi biển thì rất tuyệt đẹp, và con đã tìm thấy một vài vỏ sò rồi. Con sẽ mang chúng về và cho mọi người xem. Chúng trông rất khác những vỏ sò ở Đức. Mọi người ở đây rất tử tế, nhưng con không hiểu họ được nhiều, bởi vì tiếng Anh của con vẫn chưa tốt lắm. Điều đó cũng không phải là vấn đề, bởi vì bố luôn giúp con. Con đã học được nhiều từ mới. Các thú cưng của con vẫn ổn chứ? Chúng có nhớ tụi con không? Con nhớ chúng rất nhiều!

Trân trọng và hẹn gặp ông bà sau Emma

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



36. Ein Tag mit meinen Schulfreunden

Heute ist ein gewöhnlicher Tag. Wir hatten keine Hausaufgaben, und wir werden heute keine Prüfung schreiben. Ich werde früh zur Schule gehen, damit ich mich vor dem Unterricht mit meiner besten Freundin Mia unterhalten kann. Ich werde ihr viel von meinem Urlaub erzählen. Vor dem Unterricht lege ich immer mein Heft, meinen Bleistift und ein Radiergummi auf den Tisch. Den Kugelschreiber benutze ich nur selten, weil man ihn nicht mehr entfernen kann. Mia malt oft im Unterricht in ihrem Heft. Sie malt sehr gut, aber der Lehrer findet das nicht gut, weil sie sich auf den Unterricht konzentrieren soll. Die Pause verbringen wir meistens mit Ben. Er ist immer sehr lustig und erzählt uns viele Witze. Die erste Stunde heute ist eine Mathematik Stunde. Mia fällt Mathematik sehr schwer. Ich habe keine Probleme, deshalb helfe ich ihr oft bei den Hausaufgaben. Dafür hilft Mia mir immer in Geschichte. Heute sind die Aufgaben sehr schwer, aber ich kann sie schnell und richtig lösen. Mia hat wieder mit dem Malen angefangen, und Ben guckt nur aus dem Fenster. Hoffentlich sieht der Lehrer das nicht.

36. Một ngày với các bạn học của tôi

Hôm nay là một ngày bình thường. Chúng tôi không có bài tập về nhà, và chúng tôi sẽ không làm bài kiểm tra hôm nay. Tôi sẽ đi học sớm, do vậy tôi có thể nói chuyện phím với người bạn tốt nhất của tôi là Mia về bài học. Tôi sẽ kể cho cô ấy nhiều thứ về kỳ nghỉ của mình. Trước tiết học tôi luôn đặt sổ tay, bút chì và cục tẩy trên bàn. Tôi hiếm khi sử dụng bút bi, bởi vì không thể sửa nó lại được. Mia thường vẽ trong sổ tay của cô ấy ở tiết học. Cô ấy vẽ rất đẹp, nhưng giáo viên cảm thấy điều ấy không tốt chút nào, thay vì thế cô ấy nên tập trung vào tiết học thì hơn. Chúng tôi dành nhiều thời gian nhất cùng Ben vào giờ nghỉ giải lao. Cậu ấy luôn rất vui tính và kể cho chúng tôi nhiều câu chuyện vui. Giờ học đầu tiên của hôm nay là giờ của môn toán. Mia cảm thấy toán học rất khó. Tôi không có vấn đề nào với nó cả, do đó tôi thường giúp cô ấy bài tập về nhà. Và Mia luôn giúp tôi môn lịch sử. Bài tập về nhà hôm nay rất khó, nhưng tôi có thể giải nó nhanh và đúng. Mia đã bắt đầu vẽ lần nữa, còn Ben chỉ nhìn ra ngoài cửa sổ. Hy vọng giáo viên sẽ không thấy điều đó.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



37. Die Familie meiner besten Freundin Mia

Mias Familie ist sehr lustig. Sie leben in einem großen Haus. Ihre Großeltern wohnen nicht in der Stadt. Sie wohnen in einem Dorf, gleich hinter der Stadt. Die Großeltern fahren mindestens zwei Mal in der Woche in die Stadt, um die Familie zu besuchen. Sie bringen meistens einen Apfel- oder Pflaumenkuchen mit. Ihre Eltern kochen sehr gut und sehr gerne. Immer wenn ich da bin, geben sie sich sehr viel Mühe! Beim Kochen singen und tanzen sie. Sie kochen wirklich sehr gut, und ich helfe ihnen meistens nur beim Singen. Sie können sehr viele tolle Gerichte aus der ganzen Welt kochen. Heute gibt es Arepas. Sie haben das Rezept von Adriana aus Venezuela bekommen. Arepas sind kleine weiche Maiskuchen. Sie werden in der Pfanne gebacken und gebraten. Adrianas Lieblings Arepa ist mit Käse und Schinken. Mia hat einen älteren Bruder genauso wie ich. Er studiert Musik an der Universität, weil er Musiklehrer werden will. Nach dem Essen wird er bestimmt wieder etwas singen und Gitarre spielen. Er hat auch eine tolle Stimme, am meisten würde ich mich über ein paar laute Rock Lieder freuen.

37. Gia đình người bạn tốt nhất của tôi Mia

Gia đình của Mia thì rất vui vẻ. Họ sống trong một ngôi nhà lớn. Ông bà cô ấy không sống trong thành phố. Họ sống trong một thị trấn, ngay phía sau thành phố. Ông bà đi vào thành phố ít nhất 2 lần 1 tuần, để ghé thăm gia đình. Họ hay mang theo một cái bánh táo hoặc bánh mận. Bố mẹ cô ấy nấu rất ngon và rất thích nấu. Bất cứ khi nào tôi ở đó, họ đều rất cố gắng! Họ thường hát và nhảy khi nấu ăn. Họ thật sự nấu ăn rất ngon, và tôi hầu hết chỉ giúp họ trong việc hát hò mà thôi. Họ có thể nấu rất nhiều món ăn ngon trên thế giới. Hôm nay có món Arêpa. Họ đã nhận một công thức nấu ăn từ Adriana từ Venezuela. Arêpa là một loại bánh bắp mềm nhỏ. Họ sẽ nướng và chiên trong chảo. Bánh Arêpa yêu thích nhất của Adriana là với phô mai và thịt xông khói. Mia có một anh trai giống như tôi vậy. Cậu ấy học âm nhạc trong trường đại học, bởi vì cậu ấy muốn trở thành giáo viên dạy nhạc. Sau bữa ăn cậu ấy sẽ hát tiếp một vài bài và chơi ghita. Cậu ấy cũng có một chất giọng rất hay, tôi thì mong chờ nhất vào một vài bản nhạc rock ồn ào.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



38. Ideen für die Gartenparty

Meine Freundin Mia hat mich um Hilfe gebeten, weil sie eine Party im Garten machen will. Sie hat die halbe Schulklasse eingeladen. Sie weiß nicht genau, was sie alles vorbereiten soll. Sie meinte, zu zweit wird es einfacher. Auf jeden Fall brauchen wir Musik. Ihr Bruder wird uns helfen, die Lautsprecher im Garten aufzustellen und die Musik aussuchen. Er hat schon die Musik für viele Partys vorbereitet, und die Gäste waren im zufrieden. Mia hat nicht genug Stühle für alle, aber das ist kein Problem, weil wir noch einige Stühle bei den Nachbarn ausleihen können. Wir wollen auch etwas zu Essen anbieten. Alle mögen Pizza, aber wir wollen auch noch Fingerfood anbieten. Ich werde Spieße mit Käse und Weintrauben von zu Hause mitbringen, und bei Mia werden wir kleine Frikadellen braten. Die Pizza werden wir bestellen, weil es am einfachsten ist. Am wichtigsten ist uns, dass wir auf der Party richtig gut aussehen. Deshalb fahren wir vor der Party einkaufen. Wir wollen unbedingt neue und schöne Kleider haben, wenn das Geld reicht, dann versuchen wir noch den passenden Schmuck zu finden.

38. Ý tưởng cho bữa tiệc tại vườn

Bạn gái tôi Mia đã đề nghị tôi giúp đỡ, bởi vì cô ấy muốn tổ chức một bữa tiệc tại vườn. Cô ấy đã mời một nửa lớp học. Cô ấy không biết chính xác những gì cô ấy nên chuẩn bị. Ý của cô ấy là 2 người làm sẽ đơn giản hơn nhiều. Chắc chắn chúng tôi sẽ cần âm nhạc. Anh trai cô ấy sẽ giúp chúng tôi đặt thùng loa trong vườn và chọn nhạc. Anh ấy đã chuẩn bị nhạc cho nhiều bữa tiệc rồi, và những người khách đã rất hài lòng. Mia không có đủ ghế cho tất cả mọi người, nhưng không thành vấn đề, bởi vì chúng tôi vẫn có thể mượn một vài cái ghế tại chỗ hàng xóm. Chúng tôi cũng muốn đề xuất một vài thứ cho bữa ăn. Tất cả mọi người thích pizza, nhưng chúng tôi cũng vẫn muốn đề xuất đồ ăn tự nấu. Tôi sẽ mang theo phô mai que và rượu nho từ nhà., và chúng tôi sẽ chiêm thị viên nhỏ tại chỗ Mia. Chúng tôi sẽ đặt pizza, bởi vì nó là dễ nhất. Quan trọng nhất là chúng tôi thật sự phải trông thật đẹp tại bữa tiệc, Do đó chúng tôi sẽ đi mua sắm cho bữa tiệc. Chắc chắn chúng tôi muốn có những bộ đầm mới và đẹp. Nếu đủ tiền chúng tôi sẽ thử tìm trang sức phù hợp.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



39. Der Schüleraustausch

Meine Schule unterstützt ein Programm zum Schüleraustausch. Das ist sehr interessant, und ich werde euch davon erzählen. Während eines Schüleraustauschs verbringt man drei, sechs, neun oder zwölf Monate in einem anderen Land. Man lebt in dieser Zeit bei einer Gastfamilie. Das sind immer Familien mit Kindern. Welche man auch als Gastgeschwister bezeichnet. Das hat viele Vorteile. Zuerst hat man Jemanden, der sich sofort um einen kümmert, wenn man in einem fremden Land ankommt. Man wird vom Flughafen abgeholt und bekommt bei der Gastfamilie meistens ein eigenes Zimmer. Man lernt sehr viel über die Kultur und Traditionen. Am wichtigsten ist aber, dass man durch die Gastfamilie sehr schnell eine neue Sprache lernen kann. Es ist viel einfacher eine neue Sprache bei einer Gastfamilie zu lernen, als in der Schule. Der Grund dafür ist, dass man 24 Stunden am Tag von der Sprache umgeben ist. Mit den Gastgeschwistern geht man zusammen in die Schule. Man ist nicht alleine und hat immer Jemanden, der einem hilft. Das ist aber nur die Hälfte, denn wenn man wieder nach Hause fährt, dann nimmt man seinen Gastbruder oder seine Gastschwester in sein Land mit.

39. Buổi trao đổi học sinh

Trường học của tôi hỗ trợ chương trình trao đổi học sinh. Điều đó thật sự hấp dẫn, và tôi muốn kể cho mọi người nghe về điều đó. Trong suốt quá trình trao đổi học sinh, bạn sẽ trải qua 3,6,9 hoặc 12 tháng tại một đất nước khác. Bạn sống tại một gia đình bản xứ trong thời gian này. Đó luôn là gia đình có trẻ nhỏ. Mà bạn cũng được xem như là anh chị trong nhà. Điều đó có rất nhiều thuận lợi. Đầu tiên có một vài người, mà có thể chăm sóc bạn ngay lập tức, khi bạn đến một đất nước xa lạ. Bạn sẽ được đón từ sân bay và nhất là bạn sẽ nhận một phòng riêng tại gia đình bản xứ. Bạn học rất nhiều về văn hóa và truyền thống. Quan trọng nhất là bạn có thể học ngôn ngữ rất nhanh trong suốt quá trình ở chung với họ. Thật sự đơn giản hơn nhiều để học một ngôn ngữ mới tại nhà người bản xứ hơn là trong trường học. Lý do cho việc đó là bạn được trao đổi ngôn ngữ 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Bạn cũng có thể đến trường cùng với các anh chị em tại gia đình bản xứ. Bạn sẽ không phải ở một mình và luôn có một vài người có thể giúp đỡ bạn mọi lúc. Đó chỉ là một nửa, vì khi bạn về lại nhà, bạn có thể dẫn anh hoặc chị người bản xứ về đất nước của bạn.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



40. Die Austauschschülerin

Maria ist eine neue Schülerin in meiner Klasse. Sie ist neu auf der Schule und ist eine Austauschschülerin. Sie ist nicht schüchtern und hat vorgeschlagen, sich der Klasse vorzustellen.

Hallo, mein Name ist Maria und ich komme aus Spanien. Ich bin in Madrid geboren und lebe dort schon mein ganzes Leben. Jetzt bin ich 16 Jahre alt, und meine Muttersprache ist spanisch. Mein englisch ist auch gut, aber Deutsch zu sprechen fällt mir noch schwer. Ich habe den halben Tag geübt, damit ich mich gut vorstellen kann. Meine Mutter kommt aus Argentinien und mein Vater aus Spanien. In Argentinien wird auch Spanisch gesprochen, sodass meine Eltern keine Probleme mit der Sprache hatten, obwohl sie aus verschiedenen Ländern kommen. Ich liebe Sprachen. Deswegen freue ich mich besonders auf die nächsten 6 Monate. Ich würde mir wünschen, dass ich euch alle kennenlernen kann, und dass wir viel Deutsch sprechen können. Mein Deutsch ist nicht immer so perfekt wie jetzt, weil ich das alles auswendig gelernt habe. Ihr müsst mit mir schon etwas geduldig sein. Dankeschön!

40. Học sinh trao đổi

Maria là một học sinh mới trong lớp tôi. Cô ấy là người mới trong trường và là một học sinh trao đổi. Cô ấy không ngại ngùng và đã được đề nghị để tự giới thiệu bản thân với lớp học.

Xin chào, tên tôi là Maria và tôi đến từ Tây Ban Nha. Tôi sinh ra ở Madrid và sống ở đó. Bây giờ tôi 16 tuổi, và ngôn ngữ mẹ đẻ của tôi là tiếng Tây Ban Nha. Tiếng Anh của tôi cũng rất tốt, nhưng tôi cảm thấy rất khó để nói tiếng Đức. Tôi đã thực hành nửa ngày, do vậy tôi có thể giới thiệu bản thân được tốt. Mẹ tôi đến từ Argentina và bố tôi đến từ Tây Ban Nha. Ở Argentina cũng nói tiếng Tây Ban Nha, vậy nên bố mẹ tôi không có vấn đề gì với ngôn ngữ cả, mặc dù họ đến từ những đất nước khác nhau. Tôi yêu ngôn ngữ. Vì vậy tôi đặc biệt mong đợi vào 6 tháng kế tiếp. Tôi mong rằng, tôi có thể quen biết tất cả mọi người, và chúng ta có thể nói tiếng Đức nhiều. Tiếng Đức của tôi luôn không quá hoàn hảo như bây giờ, bởi vì tôi đã học thuộc lòng tất cả mọi thứ. Các bạn sẽ phải kiên nhẫn một vài thứ với tôi. Cảm ơn nhiều!

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



41. Das ist unsere Schule

Am ersten Tag werde ich Maria unsere Schule zeigen, sie ist neu hier und kennt sich noch gar nicht aus. Bis jetzt kennt sie nur das Lehrerzimmer, unseren Klassenraum und den kleinen Parkplatz auf dem nur Lehrer und Besucher parken dürfen. Ich muss ihr jetzt alle anderen wichtigen Orte zeigen. Als erstes zeige ich ihr, wo die Spinde sind, damit sie ihre Sachen abschließen kann. Danach werde ich ihr die Kantine zeigen und die Ecke, in der wir mit den Mädels immer sitzen. Sie wird das Essen an der Schule mögen. Fast alles wird frisch gekocht, außerdem gibt es jeden Tag ein veganes Gericht. Das gefällt mir sehr gut, weil ich nicht jeden Tag Fleisch essen mag. Neben der Kantine ist ein großer Pausenbereich mit vier Tischtennisplatten. Tischtennis in der Pause zu spielen ist in Deutschland sehr beliebt. Nach dem Unterricht werden wir uns den Sportplatz anschauen. Da kann man jeden Tag bis 18:00 Uhr Volleyball, Basketball und Fußball spielen.

41. Đó là trường học của chúng tôi

Vào ngày đầu tiên tôi sẽ chỉ cho Maria thấy trường học của chúng tôi, cô ấy là người mới ở đây và hoàn toàn vẫn chưa biết gì cả. Đến bây giờ cô ấy chỉ biết phòng giáo viên, phòng học của chúng tôi và chỗ đậu xe nhỏ mà ở đó chỉ giáo viên và những du khách được phép đậu. Bây giờ tôi phải chỉ cho cô ấy tất cả những nơi quan trọng khác. Đầu tiên tôi chỉ cho cô ấy tủ đựng đồ ở đâu, để cô ấy có thể cất đồ. Sau đó tôi sẽ chỉ cho cô ấy căn tin và cái góc mà những đứa con gái hay ngồi. Cô ấy sẽ thích đồ ăn ở trường. Hầu hết mọi thứ được nấu rất tươi ngon, thêm nữa có cả đồ ăn chay mỗi ngày. Tôi rất thích nó, bởi vì tôi không thích ăn thịt mỗi ngày. Kế bên căn tin là một khu vực nghỉ ngơi lớn với 4 cái bàn đánh bóng bàn. Việc chơi bóng bàn trong giờ nghỉ giải lao là rất phổ biến ở Đức. Sau giờ học chúng tôi sẽ xem sân thể thao. Ở đó bạn có thể chơi bóng chuyền, bóng rổ và đá bóng mỗi ngày đến 18h.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



42. Im Park mit meinem Hund Milo

Jedes Wochenende gehe ich mit Milo in den Park. Milo hat dort immer sehr viel Spaß, weil er mit vielen anderen Hunden spielen kann. Dieser Park ist ein Hundepark, in dem alle Hunde ohne Leine laufen dürfen. Am Samstag schlafe ich ein bisschen länger als in der Woche, deswegen weiß Milo, dass ich nicht zur Schule gehen werde. An diesen Tagen wartet er schon vor meinem Bett, damit wir endlich starten können. Die meiste Zeit sitze ich im Park auf der Bank und beobachte Milo beim Spielen. Ich kann mit ihm nicht spazieren, weil er wegen seiner Freunde zu aufgeregt ist. Er rennt lieber mit seinen Freunden zwischen den Bäumen und durch die Büsche. Manchmal springt er auch in den kleinen Teich im Park. Er macht das nur während der warmen Jahreszeiten. Ich finde das nicht ganz so gut! Er ist dann klitschnass und wir müssen warten bis er trocken ist. Ansonsten darf er nicht wieder in das Haus.

42. Tại công viên với con chó Milo của tôi

Vào mỗi cuối tuần tôi đi đến công viên cùng Milo. Milo luôn vui vẻ ở đó, bởi vì nó có thể chơi với nhiều con chó khác. Công viên này là một công viên dành cho chó, mà tất cả những con chó được phép chạy nhảy không cần xích cổ. Vào thứ bảy tôi ngủ nhiều hơn các ngày trong tuần một chút, bởi vì thế Milo biết rằng tôi không đi học. Vào các ngày này nó thường hay đợi trước giường tôi, để cuối cùng chúng tôi có thể bắt đầu. Hầu hết thời gian tôi ngồi tại băng ghế trong công viên và quan sát Milo chơi. Tôi không thể đi dạo với nó, bởi vì nó rất hứng thú với những bạn chó khác. Nó thích chạy với những chú chó khác giữa những cái cây và xuyên qua những bụi cây. Thỉnh thoảng nó cũng nhảy vào cái ao nhỏ trong công viên. Nó chỉ làm điều đó trong suốt mùa ấm áp. Tôi hầu như cảm thấy điều đó không ổn chút nào! Sau đó nó sẽ ướt đẫm và chúng tôi phải đợi đến khi nó khô hẳn. Nếu không thì nó không được phép vào nhà.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



43. Mein Zimmer

Mein Zimmer ist der beste Ort in unserem Haus. Nach der Schule oder nach der Arbeit gehe ich direkt für 30 Minuten in mein Zimmer, um mich auszuruhen. In dieser Zeit möchte ich am liebsten nicht gestört werden. Meistens lege ich mich auf das Bett, schaue an die Decke und höre Musik. An meiner Decke hängt eine sehr helle Lampe aber ich kann, wenn ich möchte das Licht verstellen. Dafür habe ich einen Schalter neben meiner Tür. Wenn ich ihn nach rechts drehe, dann wird es heller. Wenn ich ihn nach links drehe, dann wird es dunkler. Mein Teppich ist hellbraun und sehr weich, ich brauche ihn, weil ich nicht gerne auf kalten und harten Böden laufe. Ich muss aufpassen, weil ich schnell kalte Füße bekomme. Den Schrank habe ich schon seit meiner Kindheit. Er ist schon sehr alt und sieht langweilig aus. Dafür stehen in der Ecke mein neuer Schreibtisch und ein neuer Stuhl. Alles ist ganz weiß und modern. Mir fehlen nur noch ein paar schöne Pflanzen.

43. Phòng của tôi

Phòng tôi là nơi tốt nhất trong nhà chúng tôi. Sau khi tan học hoặc sau khi tan việc tôi trực tiếp vào phòng mình 30 phút để nghỉ ngơi. Trong thời gian này tôi không thích bị làm phiền nhất. Hầu như tôi nằm trên giường, nhìn trần nhà và nghe nhạc. Một bóng điện rất sáng được treo trên trần nhà nhưng tôi có thể điều chỉnh nó nếu tôi muốn. Do đó tôi có một công tắc điện kế bên cánh cửa. Khi tôi xoay nó sang phải, thì nó sẽ sáng hơn. Khi tôi xoay nó sang trái thì nó sẽ tối hơn. Cái thảm nhà có màu nâu sáng và rất mềm mại, tôi cần nó bởi vì tôi không thích lạnh và đi trên cái sàn nhà cứng. Tôi phải cẩn thận vì chân tôi rất nhanh bị lạnh. Tôi có cái tủ quần áo kể từ thời ấu thơ rồi. Nó đã rất cũ rồi và nhìn rất chán. Do vậy nó được đặt trong góc của bàn làm việc và một cái ghế mới. Tất cả mọi thứ thì hầu như là màu trắng và mềm mại. Tôi chỉ còn thiếu một vài cây cỏ xinh đẹp mà thôi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



44. Auf der Suche nach einem neuen Apartment

Meine Tante Emily und ihr Mann sind auf der Suche nach einem neuen Apartment. Ein großes Wohnzimmer, eine schöne Küche und ein Badezimmer mit Fenster sind meiner Tante besonders wichtig. Die Wohnung muss auch in der Nähe einer U-Bahn-Station sein. Am besten wäre es, wenn sie im selben Stadtteil wäre, in dem meine Tante arbeitet. Meinem Onkel ist die Küche egal. Er kocht nur, wenn meine Tante nicht zu Hause ist. Er wünscht sich, dass die Wohnung nicht höher ist, als im ersten Stock. Er mag keine Treppen laufen, weil er sehr unsportlich ist. Natürlich freut er sich auch über ein großes und helles Wohnzimmer. Besonders wichtig ist meinem Onkel, dass die Wohnung in der Nähe einen Supermarkt hat. Es ist sehr praktisch, wenn man zum Einkaufen nicht weit fahren muss. Er verbringt auch viel Zeit am PC, deswegen muss die Wohnung schnelles Internet haben. Es ist schwer eine Wohnung zu finden, die beiden gefällt, deswegen sitzen sie jeden Abend zwei Stunden am PC und prüfen viele Internetangebote. Es gibt viele tolle, neugebaute Wohnungen, aber diese sind einfach zu teuer. Sie werden wahrscheinlich noch ein paar Wochen suchen müssen.

44. Trong quá trình tìm kiếm một căn hộ mới

Cô của tôi Emily và chồng cô ấy đang trong quá trình tìm kiếm một căn hộ mới. Một phòng khách lớn, một căn bếp đẹp và một phòng tắm với cửa sổ là đặc biệt quan trọng với cô ấy. Căn hộ cũng phải ở gần một ga tàu điện ngầm. Tốt nhất là nó ở cùng quận mà cô ấy sẽ làm việc. Dượng tôi thì không quan tâm căn bếp lắm. Dượng ấy chỉ nấu ăn khi cô tôi không ở nhà. Dượng ấy mong rằng căn hộ không ở cao hơn lầu 1. Ông ấy không thích leo cầu thang, bởi vì ông ấy rất phi thể thao. Tất nhiên ông ấy cũng trông đợi một phòng khách lớn và sáng. Đặc biệt quan trọng với dượng tôi là căn hộ ở gần siêu thị. Nó rất thực tế khi bạn không phải đi xa khi mua sắm. Ông ấy cũng dành nhiều thời gian với cái máy tính, do vậy căn hộ phải kết nối được Internet nhanh. Rất khó để tìm một căn hộ mà cả 2 thích, do đó họ ngồi trước máy tính 2 tiếng đồng hồ mỗi tối và tìm kiếm nhiều chương trình khuyến mãi trên internet. Có nhiều căn hộ được xây mới, đẹp, nhưng chúng cũng rất đắt. Có lẽ họ sẽ vẫn phải tìm kiếm một vài tuần.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



45. Das perfekte Apartment

Meine Tante und mein Onkel mussten lange suchen, bis sie endlich eine schöne Wohnung im Internet gefunden haben. Diese Wohnung hat vier Zimmer und ist ungefähr 95m² groß. Die Fenster sind sehr groß, dadurch ist das Wohnzimmer sehr hell. Mit der Lage hatten sie richtig Glück. Meine Tante kann jetzt mit dem Fahrrad zur Arbeit fahren. Die U-Bahn ist nur 3 min zu Fuß entfernt und ein Supermarkt ist genau gegenüber. Die Wohnung ist im dritten Stock, aber das ist kein Problem, weil es einen Fahrstuhl gibt. Morgen haben sie einen Termin mit dem Vermieter. Sie sind gerade etwas gestresst, weil sie dafür viele Unterlagen vorbereiten müssen. Eine schöne Wohnung zu finden ist schwierig, deshalb wollen sie gut vorbereitet sein. Für die alte Wohnung haben sie schon eine Nachmieterin gefunden. Es ist eine Arbeitskollegin meiner Tante. Sie ist neu in der Firma und wohnt außerhalb der Stadt, in einem Dorf. Deswegen muss sie jeden Tag 45 min in eine Richtung mit dem Auto zur Arbeit fahren. Das dauert lange und ist teuer. Es wird für sie viel angenehmer werden, wenn sie in die Stadt umzieht.

45. Căn hộ hoàn hảo

Cô và dượng tôi đã phải tìm kiếm rất lâu cho đến khi cuối cùng họ cũng đã tìm thấy một căn hộ đẹp trên mạng. Căn hộ này có 4 phòng và có diện tích khoảng 95m². Cửa sổ rất lớn, điều này làm cho phòng khách rất sáng sủa. Họ đã rất may mắn với vị trí này. Cô tôi bây giờ có thể đi làm với xe đạp. Tàu điện ngầm chỉ cách 3 phút đi bộ và đối diện là một siêu thị. Căn hộ ở tầng 3, nhưng không sao, bởi vì có thang máy. Ngày mai họ có một cuộc hẹn với chủ thuê nhà. Họ bị áp lực một chút bởi vì họ phải chuẩn bị nhiều giấy tờ cho việc đó. Rất khó để tìm một căn hộ đẹp, do đó họ muốn chuẩn bị tốt. Họ đã tìm thấy một người thuê lại cho căn hộ cũ. Đó là đồng nghiệp nữ của cô tôi. Cô ấy là người mới ở công ty và sống trong một thị trấn ngoài thành phố. Do đó cô ấy phải mất 45 phút mỗi ngày để lái xe đến nơi làm việc. Nó mất thời gian rất nhiều và tốn kém. Sẽ thoải mái hơn nhiều cho cô ấy khi cô ấy chuyển vào thành phố.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



46. Mein Fahrradunfall

Gestern habe ich einen Fahrradausflug gemacht. Das Wetter war gut. Die Sonne schien sehr stark. Ich habe sogar einen kleinen Sonnenbrand bekommen. Als ich gerade zu Hause angekommen bin, habe ich die Kontrolle über mein Fahrrad verloren und bin in das Auto meines Vaters gekracht. Ich lag auf dem Boden und konnte wegen der Schmerzen nicht sofort aufstehen. Unser Nachbar hat mich gesehen. Er stand hinter dem Zaun und hat sofort gerufen "Brauchst du einen Krankenwagen?" Ich hatte zwar Schmerzen, aber ich war mir sicher, dass nichts gebrochen war, also habe ich „Nein!“ geantwortet und mich bedankt. Zum Glück hatte ich einen Fahrradhelm, mein Kopf war gut geschützt. Das Auto hat jetzt eine Beule. Ich hatte Angst, dass ich Ärger bekomme. Mein Vater meinte nur, dass Unfälle manchmal passieren und er ist froh, dass mir außer ein paar blauen Flecken nichts passiert ist. Die Werkstatt wird das Auto wieder reparieren können. Es ist nur eine kleine Beule, das wird bestimmt nicht teuer.

46. Tai nạn xe đạp của tôi

Hôm qua tôi đã làm một chuyến đi xe đạp. Thời tiết đã rất đẹp. Mặt trời chói chang. Thậm chí tôi đã bị cháy nắng một chút. Khi tôi vừa về đến nhà, tôi đã mất kiểm soát với chiếc xe đạp của mình và va chạm với xe ô tô của bố tôi. Tôi nằm ra sàn và không thể đứng dậy vì đau. Hàng xóm tôi đã thấy tôi. Anh ấy đứng sau rào chắn và ngay lập tức kêu lên „em có cần một chiếc xe cấp cứu không?“ Mặc dù tôi đau, nhưng tôi chắc chắn rằng không có gì bị gãy cả, do đó tôi trả lời „không!“ và nói cảm ơn. May mắn tôi có nón bảo hộ xe đạp, do đó đầu tôi được bảo vệ rất tốt. Xe ô tô bây giờ bị một va chạm nhỏ. Tôi sợ rằng tôi sẽ nhận một cơn giận từ bố tôi. Nhưng bố tôi nói rằng thỉnh thoảng tai nạn xảy ra, và ông ấy vui vì ngoài một vài vết bầm thì không có gì tệ xảy ra cả. Xe ô tô có thể được sửa tại tiệm sửa xe. Đó chỉ là một va chạm nhỏ nên chắc chắn nó sẽ không quá mắc tiền.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



47. Schwimmunterricht

Meine Mutter hat mich zum Schwimmkurs angemeldet. Schwimmen zu lernen ist sehr wichtig! Sie sagt, es ist sehr gefährlich, wenn man nicht schwimmen kann, weil man dann schnell ertrinken kann. Alle verbringen gerne ihre Zeit am Strand und im Meer. Das Spielen in den Wellen macht sehr viel Spaß. Auch Milo liebt das Wasser, er hat nie einen Schwimmkurs besucht, aber er kann sehr gut schwimmen. In Deutschland gibt es vier wichtige Schwimmabzeichen. Es geht mit dem Seepferdchen los, danach kommt Bronze, Silber und Gold. Das Seepferdchen habe ich schon bestanden, dafür muss man nur 25m schwimmen. Ich habe auch einen kleinen Traum, ich will in einem Jahr im Schwimmbad einen Kopfsprung vom 3m Turm machen. Mein Bruder kann das schon seit vielen Jahren, und er hat gar keine Angst, wenn er springt. Ich bin ein bisschen neidisch auf ihn, aber ich bin mir sicher, dass ich es nächstes Jahr schaffen werde. Der Kurs dauert 6 Monate, und ich muss zwei Mal in der Woche hingehen. Für das Silberabzeichen muss ich 300m auf dem Bauch, 100m auf dem Rücken schwimmen und 10m tauchen.

47. Tiết học bơi

Mẹ tôi đã đăng ký cho tôi đến khóa học bơi. Học bơi rất quan trọng! Bà ấy nói, sẽ rất nguy hiểm nếu bạn không thể bơi, bởi vì bạn có thể rất nhanh bị chết chìm sau đó. Tất cả mọi người thích dành thời gian tại bãi biển và biển. Việc chơi trên sóng thì rất vui. Milo cũng thích nước, nó chưa từng tham gia một khóa học bơi nào, nhưng nó có thể bơi rất giỏi. Ở Đức có 4 huy chương bơi quan trọng. Bắt đầu là huy hiệu con cá ngựa, sau đó đến đồng, bạc và vàng. Tôi đã đạt huy chương con cá ngựa, cho việc đó bạn chỉ phải bơi 25m. Tôi cũng có một giấc mơ nhỏ, tôi muốn lao xuống hồ bơi từ độ cao 3m trong 1 năm nữa. Anh tôi có thể làm điều này 4 năm rồi, và anh ấy không hề sợ khi anh ấy nhảy. Tôi ganh tỵ với anh ấy một chút nhưng tôi chắc chắn rằng tôi sẽ hoàn thành nó vào năm tới. Khóa học mất 6 tháng và tôi phải đến đó 2 lần 1 tuần. Cho huy chương bạc, tôi phải bơi sấp 300m, bơi ngửa 100m và lặn 10m.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



48. Ein Besuch beim Zahnarzt

Letzte Woche musste ich zum Zahnarzt gehen, weil ich Zahnschmerzen hatte. Die Schmerzen waren schrecklich, ich musste fast weinen. Meine Mutter hat für mich einen Termin beim Zahnarzt gemacht. Der Zahnarzt hat seine Praxis direkt in der Stadt. Deswegen haben wir den Bus genommen und nicht das Auto. Im Zentrum findet man schwer einen Parkplatz. Die Klinik ist aber direkt neben der Bushaltestelle. Die Praxis liegt zwischen einem schönen Café und einer Bäckerei. Ich musste beim Zahnarzt nur 10 Minuten warten bis ich dran war. Ich habe mich auf den Zahnarztstuhl gesetzt und der Arzt hat die Position eingestellt. An der Decke war ein witziges Bild zum Anschauen, mit ganz vielen verschiedenen Tieren. Obwohl der Arzt sehr nett war, hatte ich etwas Angst, wegen der ganzen Geräte um mich herum. Mit einem kleinen Spiegel hat er meine Zähne untersucht und ein Loch gefunden. Er konnte es schnell behandeln, sodass ich nach nur wenigen Minuten wieder schmerzfrei war.

48. Một chuyến ghé thăm tại nha khoa

Tuần trước tôi đã phải đến nha khoa, bởi vì tôi bị đau răng. Tôi đã khóc vì cơn đau rất kinh khủng. Mẹ tôi đã đặt một cuộc hẹn tại nha khoa cho tôi. Nha sĩ có phòng khám trực tiếp trong thành phố. Do vậy chúng tôi đón xe buýt và không đi bằng ô tô. Trong trung tâm rất khó để tìm bãi đậu xe. Phòng khám trực tiếp kế bên trạm dừng xe buýt. Phòng khám nằm giữa một quán cà phê đẹp và một tiệm bánh mì. Tôi đã phải đợi tại nha khoa 10 phút cho đến lượt của mình. Tôi đã ngồi trên ghế tại nha khoa mà bác sĩ đã đặt. Trên trần nhà có một bức tranh vui nhộn với nhiều động vật khác nhau để nhìn. Mặc dù bác sĩ rất thân thiện nhưng tôi vẫn sợ một chút, do các thiết bị xung quanh mình. Ông ấy đã khám răng của tôi với cái gương nhỏ và đã tìm thấy một cái lỗ. Ông ấy đã có thể điều trị nó nhanh, vậy nên sau vài phút tôi đã không đau nữa.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key
info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran



49. Wieder krank!

Ich bin schon wieder krank! Ich war gestern mit meiner Mutter beim Arzt, weil ich mich die ganze Zeit müde und schwach fühle. Ich habe Husten, mein Hals tut weh und meine Nase läuft die ganze Zeit. Nachts kann ich nicht schlafen, weil meine Nase verstopft ist. Ich hatte nachts sogar Fieber. Deswegen ist meine Mutter mit mir nicht zum Hausarzt, sondern sofort ins Krankenhaus gefahren. Der Arzt hat mich gründlich untersucht und einen Corona Test gemacht. Zum Glück war er negative! Es ist nur eine normale Erkältung, aber eine sehr starke. Der Arzt meinte, dass ich mich sicherlich in der Schule angesteckt habe. Das kann gut sein, weil im Moment viele Schüler erkältet sind. Ich habe ein Rezept mit mehreren Medikamenten bekommen. Zusätzlich soll ich viel trinken. Meine Mutter hat mir eine leckere Hühnersuppe gemacht. Sie ist gesund und schmeckt sehr köstlich. Ich will so schnell wie möglich wieder in die Schule gehen. Ich habe Angst, dass ich zu viel verpasse und meine Noten schlechter werden. Immerhin bringt mir Mia jeden Tag die Hausaufgaben vorbei.

49. Lại bị bệnh!

Tôi lại bị bệnh rồi! Hôm qua tôi đã đến chỗ bác sĩ với mẹ mình, bởi vì hầu hết thời gian tôi đều cảm thấy mệt mỏi và yếu. Tôi bị ho, cổ họng bị đau và mũi không thở được. Vào đêm tôi không thể ngủ, vì mũi tôi bị nghẹt. Thậm chí vào đêm tôi đã bị sốt. Do đó mẹ tôi đã không đưa tôi đến bác sĩ tư, mà ngay lập tức đưa tôi đến bệnh viện. Bác sĩ đã khám toàn diện và đã làm kiểm tra virus Corona. May mắn tôi âm tính với nó! Đó chỉ là cảm thông thường, nhưng rất nặng. Bác sĩ nói rằng tôi chắc chắn đã bị lây trong trường. Điều đó có thể đúng vì hiện tại nhiều học sinh bị cảm. Tôi đã nhận một đơn thuốc với một ít thuốc. Thêm nữa tôi nên uống nước nhiều. Mẹ tôi đã làm cho tôi một món súp gà ngon. Nó tốt cho sức khỏe và có vị rất ngon. Tôi muốn đi học lại nhanh nhất có thể. Tôi sợ rằng mình sẽ bỏ lỡ quá nhiều và sẽ nhận điểm thấp. Sau tất cả Mia đã ghé qua đưa bài tập về nhà cho tôi mỗi ngày.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh
với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com

www.german-key.com

Sophie Tran



50. Ich erzähle meinem Großvater vom Vorstellungsgespräch

Mein erstes Vorstellungsgespräch war eine tolle Erfahrung. Ich war aufgeregt und ein bisschen nervös. Ich habe mich auf eine Anzeige für einfache Bürotätigkeiten beworben. Dafür braucht man keine Erfahrung und keine Ausbildung. Man lernt alle wichtigen Aufgaben in kurzer Zeit direkt von den Arbeitskollegen. Ich musste meinen Lebenslauf abgeben und einen Fragebogen beantworten. Ein Anschreiben war nicht notwendig. Einige Wochen später haben sie mich angerufen. In diesem Moment war ich nicht vorbereitet und mein Herz raste. Ja! Ich habe eine Einladung zum Vorstellungsgespräch bekommen. Ich habe mich gut vorbereitet und mir viele mögliche Fragen im Internet durchgelesen, weil ich gar nicht wusste, was sie fragen werden. Das Vorstellungsgespräch lief sehr gut. Der Chef war nett und hat viel gelächelt. Die Fragen waren zum Glück sehr einfach, sodass ich ein gutes Gefühl beim Antworten hatte. Danach hat er mir erklärt, wie ein typischer Arbeitstag bei mir aussehen wird. Die meiste Zeit werde ich mit Kunden telefonieren, Bestellungen schreiben und manchmal auch Reklamationen bearbeiten. Am Ende habe ich den Job bekommen und freue mich, dass ich etwas Geld verdienen kann.

50. Tôi kể cho ông mình về buổi phỏng vấn

Buổi phỏng vấn đầu tiên của tôi đã là một kinh nghiệm tuyệt vời. Tôi đã rất hứng thú và hồi hộp. Tôi đã nộp cho một vị trí công việc văn phòng đơn giản trên một quảng cáo. Bạn không cần bất kỳ kinh nghiệm hoặc đào tạo nào cho việc này. Bạn chỉ học tất cả các nhiệm vụ công việc quan trọng trực tiếp từ đồng nghiệp trong thời gian ngắn. Tôi đã phải nộp sơ yếu lý lịch và trả lời bảng câu hỏi. Thư xin việc thì không cần thiết. Một vài tuần sau họ đã gọi cho tôi. Tại thời điểm đó tôi đã không chuẩn bị và tim tôi đập thành thịch. Vâng! Tôi đã nhận một lời mời đến buổi phỏng vấn. Tôi đã chuẩn bị tốt và đọc nhiều câu hỏi có thể xảy ra trên mạng, bởi vì tôi hoàn toàn không biết những gì họ sẽ hỏi. Buổi phỏng vấn diễn ra rất tốt. Ông chủ rất tử tế và cười nhiều. Thật may mắn những câu hỏi đã rất đơn giản, vậy nên tôi đã có một cảm giác tốt trong các câu trả lời. Sau đó ông ấy đã giải thích cho tôi rằng một ngày làm việc đặc trưng tại vị trí làm việc của tôi sẽ trông như thế nào. Hầu hết thời gian tôi sẽ trao đổi điện thoại với khách hàng, nhập đơn đặt hàng và thỉnh thoảng cũng xử lý các khiếu nại. Cuối cùng tôi đã nhận được việc và trông đợi vào việc tôi có thể kiếm một ít tiền rồi.

Lớp đào tạo tiếng Đức online giúp giao tiếp nhanh với trình độ từ A1 - B1



German-Key

info@german-key.com
www.german-key.com
Sophie Tran

